

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO NĂM 2025
ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1. Hộ nghèo												
1	1	Bùi Thị Mừng	1	22/11/1970	2	030170001379	Quyết Tâm					
2	2	Bùi Thị Độ	1	16/09/1967	2	030167002268	Quyết Tâm					
3		Bùi Thị Xuân Hồng	3	12/11/2007	2	030307009232	Quyết Tâm	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2
4	3	Nguyễn Thị Diệu	1	05/06/1954	2	030154000349	Giữa	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2
5	4	Tạ Văn Trọng	1	02/10/1976	1	030076015591	Thượng Đỗ 2					
6		Nguyễn Thị Thềm	2	12/08/1972	2	030172003782	Thượng Đỗ 2					
7		Tạ Thị Mai Phương	3	29/09/2001	2	030301012939	Thượng Đỗ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
8	5	Trần Thị Hanh	1	10/10/1967	2	030167003032	Bộ Hộ					
9	6	Nguyễn Văn Hiền	1	01/01/1974	1	030074008270	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
10	7	Nguyễn Đức Tạc	1	20/08/1983	1	030083011275	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
11		Nguyễn Thị Duyên	2	10/09/1984	2	030184012327	Thắng Yên					
12		Nguyễn Thị Huyền	3	05/07/2005	2	030305007557	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
13		Nguyễn Thị Huyền Trang	3	27/11/2006	2	030306008105	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
14		Nguyễn Đức Toàn	3	28/03/2011	1	030211007260	Thắng Yên					
2. Hộ cận nghèo												
15	8	Bùi Duy Tú	1	25/06/1988	1	030088012131	Quyết Tâm					
16	9	Nguyễn Thị Huyền	1	16/02/1982	2	030182012105	Quyết Tâm					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
17		Nguyễn Thùy Linh	3	02/08/2016	2	030316011463	Quyết Tâm					
18	10	Bùi Thị Hiền	1	28/08/1980	2	030180008202	Quyết Tâm					
19		Bùi Văn Tùng	3	27/05/2006	1	030206002110	Quyết Tâm	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
20		Bùi Văn Tuyền	3	09/12/2020	1	030220016126	Quyết Tâm					
21	11	Bùi Thị Tuyến	1	06/05/1969	2	030169003428	Quyết Tâm	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
22		Bùi Thị Hải Đường	3	30/12/2004	2	030304011164	Quyết Tâm					
23	12	Bùi Ngọc Sợi	1	16/02/1960	1	030060003588	Quyết Tâm					
24		Bùi Thị Ngà	2	01/01/1961	2	030161002417	Quyết Tâm					
25		Bùi Ngọc Kiên	3	20/05/1989	1	030089023891	Quyết Tâm					
26	13	Lê Văn Sinh	1	10/09/1965	1	030065000784	Quyết Tâm					
27		Tăng Thị Phương	2	04/08/1965	2	030165016390	Quyết Tâm	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
28		Lê Văn Đại	3	30/07/1993	1	030093003439	Quyết Tâm					
29		Lê Hoàng Minh	5	28/01/2025	1	030225000642	Quyết Tâm					
30		Bùi Thị Thúy Vân	3	24/01/1997	2	030197008831	Quyết Tâm					
31	14	Bùi Thị Hiền	1	01/01/1954	2	030154002271	Quyết Tâm	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
32	15	Nguyễn Quý Huynh	1	01/04/1954	1	030054009948	Quyết Tâm	chết T4.2026				
33		Bùi Thị Kết	2	18/06/1959	2	030159017617	Quyết Tâm					
34	16	Bùi Thị Lê	1	02/05/1953	2	030153003478	Quyết Tâm	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
35	17	Bùi Duy Ngung	1	01/01/1956	1	030056009238	Hợp Nhất	Hưu trí xã hội	700,000		02/2026	Khoản 1 Điều 2
36		Nguyễn Thị Thảo	2	27/09/1960	2	030160008923	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
37	18	Bùi Duy Dân	1	01/01/1959	1	030059005330	Hợp Nhất					
38		Bùi Thị Hoi	2	31/08/1963	2	030163003494	Hợp Nhất					
39		Bùi Duy Dưỡng	3	12/07/1983	1	030083017885	Hợp Nhất	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
40	19	Bùi Thị Vi Hoa	1	05/07/1992	2	030192004935	Hợp Nhất					
41		Bùi Duy Bảo Khánh	3	12/12/2014	1	030214017684	Hợp Nhất					
42		Bùi Tuệ Nhi	3	08/10/2018	2	030318011865	Hợp Nhất					
43	20	Bùi Thị Minh	1	19/05/1958	2	030158006911	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
44	21	Bùi Thị Ngoạn	1	14/04/1963	2	030163006248	Hợp Nhất					
45	22	Bùi Thị Vân	1	22/07/1991	2	030191021814	Hợp Nhất					
46		Nguyễn Thu Trang	3	11/01/2018	2	030318017019	Hợp Nhất					
47		Nguyễn Thu Thảo	3	12/01/2021	2	030321000356	Hợp Nhất					
48	23	Bùi Thị Soan	1	01/01/1963	2	030163002964	Hợp Nhất					
49	24	Bùi Thị Đáng	1	01/07/1955	2	030155011900	Hợp Nhất	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
50		Lục Văn Thành	3	01/01/1983	1	022083006024	Hợp Nhất	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
51	25	Nguyễn Thị Phở	1	03/02/1958	2	030158016089	Hợp Nhất	Chăm sóc người KTĐBN	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
52	26	Bùi Thị Ngọc Hoa	1	14/03/1990	2	030190009613	Hợp Nhất					
53		Bùi Quốc Anh	3	19/08/2012	1	030212018310	Hợp Nhất					
54		Bùi Hoa Anh	3	01/02/2016	2	030316010042	Hợp Nhất					
55	27	Bùi Đắc Điều	1	12/10/1969	1	030069010500	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
56	28	Bùi Duy Mậu	1	03/04/1959	1	030059006122	Hợp Nhất					
57		Nguyễn Thị Hoạt	2	13/12/1960	2	030160008660	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
58	29	Lê Thị Tuyên	1	02/08/1980	2	030180000832	Hợp Nhất					
59		Vũ Thành Đạt	3	06/09/2008	1	030208006735	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
60		Vũ Thị Thanh Huệ	3	21/06/2005	2	030305010734	Hợp Nhất					
61	30	Bùi Thị Vân	1	29/09/1986	2	030186004874	Mình Thành					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
62		Trần Thị Kiều Vy	3	06/07/2011	2	030311003413	Minh Thành					
63		Bùi Thị Thương	3	30/12/2013	2	030313005288	Minh Thành					
64		Bùi Đỗ Quốc Anh	3	22/01/2025	1	030225001894	Minh Thành					
65	31	Bùi Thị Luận	1	04/01/1958	2	030158007263	Minh Thành					
66		Bùi Đức Phúc	5	14/06/2009	1	030209003980	Minh Thành					
67	32	Bùi Thị Ly	1	27/08/1959	2	030159011458	Minh Thành					
68	33	Bùi Thị Nguyệt	1	01/02/1962	2	030162004065	Minh Thành					
69		Bùi Trà Giang	3	26/09/1994	2	030194001993	Minh Thành					
70		Bùi Lê Khánh	5	02/09/2015	1	030315001291	Minh Thành					
71		Bùi Khánh Ngọc	5	25/04/2017	1	030317008777	Minh Thành					
72	34	Tăng Thị Ngát	1	27/03/1979	2	030179013782	Minh Thành					
73		Tăng Thị Lan Anh	3	23/04/2009	2	030309004267	Minh Thành					
74		Tăng Tự Trọng	3	05/09/2019	1	030219012164	Minh Thành					
75	35	Vũ Đình Đề	1	01/01/1959	1	030059013799	Minh Thành	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
76	36	Bùi Khắc Hiếu	1	04/06/1956	1	030056008163	Minh Thành					
77		Bùi Thị Biền	2	10/07/1960	2	030160015925	Minh Thành					
78	37	Tăng Văn Tiến	1	17/12/1982	1	030082017369	Minh Thành	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
79		Bùi Thị Thu	2	10/02/1985	2	030185019976	Minh Thành					
80		Tăng Thị Thủy Tiên	3	17/09/2004	2	030304004679	Minh Thành					
81		Tăng Thị Hạnh	3	06/01/2007	2	030307012772	Minh Thành					
82		Tăng Văn Đức	3	11/04/2014	1	030214015803	Minh Thành					
83	38	Bùi Thị Kim Xoa	1	12/06/1983	2	030183007692	Minh Thành					
84		Bùi Trà My	3	14/07/2009	2	030309014155	Minh Thành	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
85		Bùi Hồng Nhung	3	06/03/2015	2	030315003879	Minh Thành					
86	39	Bùi Thị Tuyến	1	15/12/1964	1	030164000890	Minh Thành					
87		Bùi Thùy Linh	3	13/10/2005	2	030305004663	Minh Thành					
88	40	Phạm Thị Sen	1	16/09/1992	2	030192003144	Minh Thành					
89		Phạm Công Duy	3	17/03/2011	1	030211006704	Minh Thành					
90	41	Nguyễn Thị Ngân	1	12/01/1976	2	030171005149	Thanh Liên					
91		Nguyễn Thị Nga	3	08/08/1998	2	030198002493	Thanh Liên					
92		Nguyễn Thế Anh	3	16/09/2012	1	030212009863	Thanh Liên					
93		Nguyễn Minh Ánh	5	25/06/2018	2	030318004266	Thanh Liên					
94		Nguyễn Minh Hân	5	26/08/2021	2	030321013063	Thanh Liên					
95		Nguyễn Minh Huyền	5	22/06/2024	2	030324005343	Thanh Liên					
96	42	An Thị Khuyên	1	16/10/1986	2	030186001686	Thanh Liên					
97		Nguyễn Quốc Thái	3	03/02/2008	1	030208008519	Thanh Liên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
98		Nguyễn Minh Phước	3	07/11/2013	1	030213018322	Thanh Liên					
99	43	Nguyễn Đức Thao	1	30/08/1986	1	030086008633	Thanh Liên	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
100		Nguyễn Thị Đơm	2	25/04/1987	2	030187008590	Thanh Liên					
101		Nguyễn Thị Thảo Vân	3	22/11/2012	2	030312013523	Thanh Liên					
102		Nguyễn Đức Anh	3	11/01/2015	1	030215004946	Thanh Liên					
103	44	Nguyễn Thị Yên	1	10/05/1986	2	030186009052	Thanh Liên					
104		Trần Thị Yên Nhi	3	25/12/2006	2	030306001694	Thanh Liên					
105		Trần Yên Anh	3	20/05/2009	2	030309011838	Thanh Liên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
106		Trần Bảo Ngọc	3	23/09/2015	2	030315011764	Thanh Liên					
107		Lê Thị Duyên	4	08/06/1963	2	030163004225	Thanh Liên					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
108	45	Nguyễn Thị Tươi	1	04/08/1981	2	030181013141	Thanh Liên					
109		Trần Hà Phương	3	27/02/2008	2	030308014712	Thanh Liên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
110		Trần Bình Minh	3	25/02/2009	1	030209008191	Thanh Liên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
111		Trần Bảo Anh	3	09/07/2018	2	030318004883	Thanh Liên					
112	46	Nguyễn Thị Thắm Tươi	1	04/05/2009	2	030309012586	Thanh Liên	Trẻ mồ côi, đủ 16 tuổi	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
113	47	Nguyễn Đức Thùy	1	21/02/1980	1	030080008774	Thanh Liên					
114		Đặng Thị Loan	2	11/07/1984	2	030184019980	Thanh Liên	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
115		Nguyễn Thị Vân Anh	3	24/08/2003	2	030303005151	Thanh Liên					
116		Nguyễn Đức Thái	3	28/02/2006	1	030206014980	Thanh Liên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
117	48	Lê Văn Thiệp	1	10/10/1961	1	030061002213	Thanh Liên	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
118		Nguyễn Thị Dân	2	20/06/1966	2	030166014576	Thanh Liên					
119	49	Vũ Văn Tiến	1	05/06/1982	1	030082001107	Lai Khê					
120		Vũ Hoàng Đạt	3	30/06/2007	1	030207017483	Lai Khê					
121		Vũ Hoàng Bách	3	17/07/2017	1	030217014662	Lai Khê					
122		Vũ Hoàng Bảo	3	05/04/2021	1	030221003658	Lai Khê					
123	50	Bùi Thị Mùi	1	20/09/1960	2	030160013138	Lai Khê	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
124	51	Đào Thị Lý	1	13/07/1958	2	030158016586	Lai Khê	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
125	52	Vũ Thị Thiêm	1	19/08/1974	1	030174004506	Lai Khê	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
126	53	Đào Thị Bình	1	26/10/1956	2	030156000740	Lai Khê	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
127	54	Vũ Thị Thủy	1	06/04/1960	2	030160002753	Lai Khê					
128	55	Đào Thị Vũ	1	01/01/1964	2	030164008767	Lai Khê					
129	56	Lê Thị Hoa	1	10/11/1962	2	030162004322	Lai Khê					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
130		Nguyễn Đức Tâm	2	30/05/1963	1	030063004125	Lai Khê					
131	57	Bùi Thị Mão	1	05/05/1966	2	030166005685	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,400,000		05/2026	Khoản 1 Điều 2
132		Nguyễn Việt Anh	3	20/04/1994	1	030094006540	Tường vu					
133		Nguyễn Văn Hưng	3	06/02/1995	1	030095003996	Tường vu					
134	58	Nguyễn Văn Nguyên	1	01/06/1965	1	030065013566	Tường vu					
135		Nguyễn Thị Hồng	2	31/10/1969	2	030169015668	Tường vu	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
136	59	Phạm Thị Thơm	1	15/08/1961	2	030161013263	Tường vu	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
137		Đinh Huyền Trang	5	21/06/2011	2	030311002542	Tường vu					
138	60	Nguyễn Thị Hiền	1	04/02/1955	2	030155004038	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
139	61	Lưu Thị Lý	1	02/12/1960	2	030160003292	Tường vu	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
140		Lưu Thị Mì	5	01/04/1964	2	030164012108	Tường vu	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
141		Lưu Thị Anh	5	06/07/2005	2	030305002853	Tường vu					
142	62	Lưu Thị Khanh	1	06/03/1962	2	030162003416	Tường vu	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
143	63	Lương Thị Hoài	1	30/10/1968	2	030168000735	Tường vu	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
144	64	Phạm Văn Đoàn	1	04/08/1988	1	030088011353	Tường vu					
145		Nguyễn Thị Thủy	2	10/12/1996	2	030196006500	Tường vu					
146		Phạm Thị Hồng Nhung	3	05/03/2017	2	030317003142	Tường vu					
147		Phạm Văn Minh Tú	3	09/07/2022	1	030222005841	Tường vu					
148		Phạm Thị Yến Nhi	3	16/10/2018	2	030318015098	Tường vu					
149	65	Bùi Đình Bằng	1	05/05/1973	1	030073007472	Tường vu					
150		Đào Thị Loan	2	05/04/1976	2	024176000589	Tường vu					
151		Bùi Thị Vân Anh	3	18/07/2016	2	030316001950	Tường vu					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
152		Bùi Thị Hồng	3	10/09/1999	2	024199000057	Tường vu					
153	66	Nguyễn Thị Nhung	1	19/05/1985	2	030185010322	Giữa					
154		Nguyễn Xuân Mai	3	19/12/2007	2	030307006587	Giữa	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
155		Nguyễn Quỳnh Chi	3	29/05/2011	2	030311017845	Giữa					
156		Nguyễn Văn Khoa	3	20/06/2014	1	030214004652	Giữa					
157	67	Nguyễn Văn Ngọc	1	07/09/1994	1	030094010632	Giữa					
158		Nguyễn Hạ Chi	3	30/06/2022	2	030322009341	Giữa					
159	68	Nguyễn Thị Thuyết	1	20/10/1963	2	030163010688	Giữa	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
160	69	Nguyễn Văn Tăng	1	10/10/1965	1	030065005659	Giữa					
161		Nguyễn Thị Chinh	2	01/01/1966	2	030166005189	Giữa					
162	70	Nguyễn Tiến Nở	1	12/03/1961	1	030061003257	Giữa					
163		Nguyễn Thị Thêm	2	01/01/1960	2	030160006526	Giữa					
164	71	Nguyễn Quý Thành	1	18/03/1958	1	030058013392	Giữa	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
165		Nguyễn Thị Tĩnh	2	08/02/1956	2	030156004290	Giữa					
166	72	Đặng Thị Kè	1	01/01/1965	2	030165005831	Giữa	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
167		Nguyễn Ngọc Minh	3	29/11/1988	1	030088023986	Giữa					
168		Lê Thị Thảo	3	21/06/1990	2	030190008955	Giữa					
169		Nguyễn Thị Huyền	5	09/07/2015	2	030315010686	Giữa					
170	73	Nguyễn Thị Chiềng	1	01/01/1955	2	030155014027	Giữa					
171	74	Nguyễn Văn Ái	1	30/12/1954	1	030054003918	Giữa	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
172		Tạ Thị Nghít	2	01/05/1955	2	030155002893	Giữa	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
173		Nguyễn Thị Ngọc Linh	5	09/05/2006	2	030306011616	Giữa	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
174		Nguyễn Thị Lam Anh	5	08/06/2009	2	030309000192	Giữa	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
175	75	Trần Thị Thanh	1	13/08/1960	2	030160003923	Đông	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
176	76	Nguyễn Thị Lạch	1	01/01/1960	2	030160017466	Đông					
177	77	Nguyễn Công Bằng	1	10/06/1955	1	030055002464	Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
178		Phạm Thị Hoa	2	15/03/1960	2	030160001385	Đông					
179	78	Vũ Đình Hải	1	22/12/1990	1	030090019598	Đông					
180		Bùi Thị Hoa	2	11/10/1989	2	030189019294	Đông	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
181		Vũ Đình Thắng	3	02/10/2012	1	030212009158	Đông					
182	79	Nguyễn Danh Quỳnh	1	25/01/1955	1	030055011353	Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
183		Vũ Thị Hà	2	02/03/1957	2	030157012799	Đông	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
184	80	Trần Công Trần	1	20/11/1946	1	030046007251	Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
185		Lương Thị Liên	2	01/01/1951	2	006151002113	Đông					
186	81	Nguyễn Danh Lực	1	02/08/1985	1	030085011427	Đông					
187		Nguyễn Thị Yến	2	19/05/1989	2	030189015999	Đông					
188		Nguyễn Danh Sỹ	3	27/07/2011	1	030211013790	Đông					
189		Nguyễn Thị Linh Nhi	3	15/08/2012	2	030312012367	Đông					
190		Nguyễn Danh Sinh	3	05/08/2014	1	030214020368	Đông					
191	82	Nguyễn Đạt Huân	1	07/06/1988	1	030088020543	Đông					
192		Nguyễn Thị Miên	2	23/01/1990	2	030190010064	Đông					
193		Nguyễn Thị Phương Linh	3	27/03/2015	2	030315009616	Đông					
194		Nguyễn Đạt Minh Khang	3	21/07/2017	1	030217013410	Đông					
195		Nguyễn Thị Diễm My	3	10/10/2019	2	030319012774	Đông					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
196	83	Nguyễn Thị Huân	1	11/11/1958	2	030158012929	Đông					
197	84	Nguyễn Thị Thúy	1	08/06/1970	2	030170002853	Đông					
198		Nguyễn Thị Thùy	3	13/05/2002	2	030302003068	Đông					
199	85	Hoàng Văn Chinh	1	01/01/1956	1	030056004104	Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
200		Dương Thị So	2	20/08/1953	2	030153011396	Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
201	86	Nguyễn Danh Chúc	1	01/03/1956	1	030056014123	Đông	Hưu trí xã hội	700,000		03/2026	Khoản 1 Điều 2
202		Hoàng Thị Chuyền	2	15/03/1957	2	030157002959	Đông	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
203	87	Đào Thị Linh	1	14/10/1990	2	030190009211	Bắc					
204		Nguyễn Thế Hoàng	3	28/04/2009	1	030209004856	Bắc	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
205		Nguyễn Thị Mai Phương	3	20/03/2014	2	030314009480	Bắc					
206		Nguyễn Tuệ Hân	3	27/05/2022	2	030322003853	Bắc					
207	88	Nguyễn Danh Càn	1	14/10/1979	1	030079017669	Bắc					
208		Nguyễn Thị Thanh Hoa	3	04/04/2003	2	030303006536	Bắc					
209		Nguyễn Danh Đức	3	08/05/2011	1	030211013444	Bắc					
210		Nguyễn Danh Hiếu	3	24/10/2014	1	030214007494	Bắc					
211	89	Nguyễn Quang Mạnh	1	02/09/1984	1	030084024917	Bắc					
212		Nguyễn Thu Trang	3	03/06/2007	2	030307009612	Bắc					
213		Nguyễn Thị Thảo Nhi	3	27/01/2016	2	030316011630	Bắc					
214		Nguyễn Thị Kim Ngân	3	03/11/2020	2	030320012685	Bắc					
215	90	Đặng Văn Hóa	1	05/10/1975	1	030075019670	Bắc					
216		Đặng Bảo Ngọc	3	27/11/2009	2	030309000323	Bắc	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
217		Đặng Minh Hải	3	17/02/2012	2	030212019003	Bắc					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
218		Đặng Thị Ngọc Duyên	3	04/04/2017	2	030317004151	Bắc					
219	91	Nguyễn Văn An	1	29/07/1976	1	030076019523	Bắc					
220		Phạm Thị Lan	2	02/07/1986	2	030186009204	Bắc	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
221		Nguyễn Văn Thái	3	01/01/2012	1	030212010802	Bắc					
222		Nguyễn Thị Anh Thơ	3	04/03/2014	2	030314017660	Bắc					
223	92	Nguyễn Danh Bắc	1	05/03/1982	1	030082018575	Bắc					
224		Trần Thị Lanh	2	30/08/1985	2	030185004106	Bắc					
225		Nguyễn Danh Huy	3	09/09/2012	1	030212000625	Bắc					
226		Nguyễn Danh Hùng	3	30/07/2017	1	030217003521	Bắc					
227	93	Nguyễn Văn Vự	1	21/06/1988	1	030088005482	Bắc					
228		Nguyễn Thị Thu Huyền	3	25/06/2011	2	030311014502	Bắc					
229		Nguyễn Thị Thu Vân	3	20/01/2014	2	030314011571	Bắc					
230	94	Nguyễn Văn Liệu	1	16/01/1950	1	030050002662	Bắc	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
231		Nguyễn Thị Gái	2	02/01/1953	2	030153013018	Bắc					
232	95	Nguyễn Thị Nhanh	1	01/01/1962	2	030162006579	Bắc					
233	96	Đặng Văn Thu	1	01/01/1954	1	030054013422	Bắc					
234		Nguyễn Thị Minh	2	01/01/1955	2	030155016885	Bắc					
235	97	Nguyễn Thị Hòa	1	01/01/1957	2	030157003082	Bắc	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
236	98	Đào Thị Mếch	1	01/01/1947	1	030147004567	Bắc	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
237	99	Đào Văn Bách	1	01/05/1960	1	030060014074	Bắc					
238		Nguyễn Thị Thư	2	01/01/1959	2	030159013765	Bắc	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
239	100	Nguyễn Danh Tới	1	11/10/1961	1	030061001685	Bắc	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
240		Nguyễn Thị Huệ	2	01/01/1966	2	030166002305	Bắc					
241	101	Nguyễn Đình Kiến	1	29/06/1960	1	030060003673	Bắc					
242		Nguyễn Thị Thu	2	02/12/1963	2	030163003558	Bắc	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
243	102	Lê Văn Thành	1	01/01/1957	1	030057013644	Vũ Xá					
244	103	Vũ Thị Hải	1	01/01/1975	2	030175026914	Vũ Xá	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
245	104	Đoàn Văn Tạ	1	01/01/1964	1	030064002166	Vũ Xá					
246		Vũ Thị Thơm	2	23/08/1969	2	030169002830	Vũ Xá					
247		Đoàn Văn Trường	3	05/11/1989	1	030089023800	Vũ Xá	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
248		Đoàn Văn Sơn	3	14/01/1997	1	030097015797	Vũ Xá	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
249		Đoàn Cao Đông	3	12/02/2007	1	030207015157	Vũ Xá					
250		Cầm Thị Hồng Chương	3	30/06/1990	2	014190011240	Vũ Xá					
251		Đoàn Đông Quân	5	09/12/2018	1	030218000466	Vũ Xá					
252		Đoàn Thị Kim Ngân	5	27/04/2020	2	030320004536	Vũ Xá					
253	105	Bùi Đức Thịnh	1	15/10/1983	1	030083025695	Vũ Xá					
254		Lê Thị Nguyệt	2	19/01/1985	2	030185012494	Vũ Xá					
255		Bùi Thu Trang	3	06/02/2005	2	030305013801	Vũ Xá	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
256		Bùi Thị Bảo Vy	3	22/11/2007	2	030307016199	Vũ Xá					
257		Bùi Đức Hải Nam	3	22/11/2011	1	030211010759	Vũ Xá					
258		Bùi Lê Trọng Hiếu	3	03/03/2016	1	030216000990	Vũ Xá					
259	106	Lương Thị Nguyệt	1	20/02/1983	2	030183004133	Vũ Xá					
260		Nguyễn Phương Tú	3	18/02/2004	2	030304010221	Vũ Xá					
261		Nguyễn Thanh Bình	3	18/02/2004	2	030304014611	Vũ Xá					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
262		Nguyễn Văn Minh	3	12/05/2012	1	030212011298	Vũ Xá					
263	107	Phạm Thị Nguyệt	1	21/01/1975	2	030175029009	Vũ Xá					
264		Phạm Văn Hoàng	3	17/04/2002	1	030202002841	Vũ Xá					
265		Phạm Dương Anh	3	25/03/2009	1	030209017552	Vũ Xá	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
266	108	Lê Thị Hạnh	1	08/08/1981	2	030181012067	Vũ Xá					
267		Từ Lê Hà Linh	3	09/06/2010	2	030310014864	Vũ Xá	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
268	109	Lương Văn Tú	1	01/01/1982	1	030082016109	Vũ Xá					
269		Lê Thị Thảo	2	09/03/1983	2	030183007357	Vũ Xá					
270		Lương Thị Phương Anh	3	21/06/2008	2	030308014275	Vũ Xá					
271		Lương Tuấn Đạt	3	23/11/2010	1	030210004613	Vũ Xá					
272	110	Lê Văn Đảo	1	12/03/1960	1	030060008705	Vũ Xá					
273		Nguyễn Thị Luân	2	28/03/1967	2	030167009079	Vũ Xá					
274	111	Nguyễn Thị Hường	1	25/07/1988	2	030188007419	Vũ Xá					
275		Đoàn Kim Ngân	3	04/09/2010	2	030310013597	Vũ Xá					
276		Đoàn Tuệ Nhi	3	29/04/2015	2	030315007539	Vũ Xá					
277		Đoàn Quỳnh Trang	3	24/06/2019	2	030319006701	Vũ Xá					
278	112	Lương Văn Tam	1	01/01/1949	1	030049001365	Vũ Xá					
279		Vũ Thị Gái	2	20/05/1962	2	030162017560	Vũ Xá	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
280		Lương Văn Bộ	3	01/04/1994	1	030094017890	Vũ Xá					
281	113	Nguyễn Thị Nét	1	20/08/1984	2	030184010570	Vũ Xá					
282		Vũ Thị Bách Hợp	3	29/11/2006	2	030306016187	Vũ Xá					
283		Vũ Đình Quân	3	16/09/2009	1	030209000717	Vũ Xá	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
284	114	Nguyễn Đình Ninh	1	20/09/1977	1	030077020013	Vũ Xá					
285		Nguyễn Thị Vân Anh	2	14/02/1983	2	030183002977	Vũ Xá					
286		Nguyễn Thị Mai Ngọc	3	21/02/2014	2	030314014593	Vũ Xá					
287		Nguyễn Đình Hà Phan	3	17/06/2008	1	030208012106	Vũ Xá					
288	115	Ngô Thị Phấn	1	12/06/1958	2	030158001538	Vũ Xá					
289	116	Lê Thị Dương	1	03/03/1964	2	030164011660	Vũ Xá					
290		Phạm Văn Phong	5	03/02/2009	1	030209017845	Vũ Xá	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
291		Phạm Gia Phúc	5	28/03/2012	1	030212020711	Vũ Xá					
292	117	Đặng Văn Tinh	1	02/12/1986	1	030086011784	Vũ Xá					
293		Bùi Thị Hằng	2	16/12/1990	2	030190009212	Vũ Xá					
294		Đặng Minh Hiếu	3	20/09/2011	1	030211020117	Vũ Xá					
295		Đặng Minh Tuấn	3	14/07/2013	1	030213017666	Vũ Xá					
296		Đặng Minh Khôi	3	24/12/2022	1	030222012307	Vũ Xá					
297	118	Nguyễn Đình Liên	1	01/01/1956	2	030056009237	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
298	119	Lê Thị Mến	1	22/03/1953	1	030153004248	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
299	120	Hoàng Thị Lan	1	23/08/1977	2	030177003599	Thượng Đổ 1					
300		Hoàng Vũ Long	3	31/01/2006	1	030206016388	Thượng Đổ 1					
301	121	Nguyễn Thị Nga	1	17/07/1982	2	030182008411	Thượng Đổ 1					
302		Nguyễn Văn Tiến Đạt	3	31/05/2009	1	030209018960	Thượng Đổ 1					
303		Nguyễn Trà My	3	03/02/2016	2	030316008833	Thượng Đổ 1					
304		Nguyễn Thùy Linh	3	03/02/2016	2	030316002445	Thượng Đổ 1					
305	122	Nguyễn Thị Hậu	1	22/11/1968	2	030168003612	Thượng Đổ 1	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
306	123	Nguyễn Quý Quân	1	07/04/1959	1	030059015014	Thượng Đỗ 1					
307		Lê Thị Nhân	2	08/02/1963	2	030163019020	Thượng Đỗ 1	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
308	124	Hoàng Thị Thắng	1	25/06/1952	2	030152006932	Thượng Đỗ 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
309		Nguyễn Hữu Được	3	02/09/1975	1	030075014674	Thượng Đỗ 1	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
310	125	Hoàng Thị Quế	1	23/01/1961	2	030161008430	Thượng Đỗ 1	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
311		Nguyễn Hữu Giới	2	24/01/1961	1	030061014830	Thượng Đỗ 1					
312	126	Phạm Hồng Thái	1	19/05/1962	1	030062019200	Thượng Đỗ 1					
313		Nguyễn Thị Hiền	2	20/03/1962	2	030162006149	Thượng Đỗ 1					
314		Phạm Tuấn Anh	3	08/12/1992	1	030092004267	Thượng Đỗ 1					
315	127	Nguyễn Chí Công	1	20/07/1982	1	030082020022	Thượng Đỗ 1					
316		Nguyễn Trí Minh	3	04/11/2010	1	030210001000	Thượng Đỗ 1					
317	128	Nguyễn Tiến Minh	1	25/12/1949	1	001049013111	Thượng Đỗ 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
318		Trần Thị Mai	2	15/05/1959	2	030159013003	Thượng Đỗ 1					
319	129	Nguyễn Thị Hồng	1	31/01/1955	2	030155011154	Thượng Đỗ 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
320	130	Nguyễn Thị Hồng	1	15/10/1965	2	030165017986	Thượng Đỗ 1	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
321	131	Vũ Văn Thịnh	1	08/03/1978	1	030078002831	Thượng Đỗ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
322		Đặng Thị Hương	2	26/08/1985	2	030185011537	Thượng Đỗ 2					
323		Vũ Thị Lan	3	23/01/2006	2	030306011905	Thượng Đỗ 2					
324		Vũ Thị Anh Thư	3	03/08/2011	2	030311002895	Thượng Đỗ 2					
325		Vũ Đức Thắng	3	25/01/2014	1	030214012850	Thượng Đỗ 2					
326	132	Nguyễn Thị Liếc	1	04/05/1957	2	030157018373	Thượng Đỗ 2					
327	133	Nguyễn Đình Tiến	1	09/06/1984	1	030084016144	Thượng Đỗ 2					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
328		Nguyễn Thanh Huyền	3	16/03/2008	2	030308000877	Thượng Đổ 2					
329		Nguyễn Thị Thu Trang	3	16/03/2012	2	030312001773	Thượng Đổ 2					
330	134	Phạm Thị Tâm	1	16/05/1981	2	034181007466	Thượng Đổ 2					
331		Tô Minh Vũ	3	16/06/2005	1	030205003158	Thượng Đổ 2	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
332		Tô Minh Tuấn	3	06/08/2009	1	030209010341	Thượng Đổ 2	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
333	135	Tạ Thị Nụ	1	11/06/1979	2	030179017378	Thượng Đổ 2					
334		Đặng Văn Trường	3	11/11/2001	1	030201014723	Thượng Đổ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
335		Tạ Thị Trà My	3	17/07/2011	2	030311006667	Thượng Đổ 2					
336		Tạ Thị Kim Ngân	3	20/03/2017	2	030317007467	Thượng Đổ 2					
337	136	Nguyễn Thị Bé	1	30/12/1975	2	030175023965	Thượng Đổ 2					
338		Nguyễn Thị Vân Nhi	3	02/11/2010	2	030310008768	Thượng Đổ 2					
339	137	Nguyễn Thị Cón	1	20/03/1957	2	030157003454	Thượng Đổ 2					
340	138	Bùi Văn Tích	1	02/12/1975	1	030075007467	Thượng Đổ 2					
341		Bùi Thị Hoa	2	25/03/1983	2	030183011172	Thượng Đổ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
342		Bùi Ngọc Huy	3	17/07/2004	1	030204007616	Thượng Đổ 2					
343		Bùi Thị Ngọc Hân	3	07/11/2012	2	030312013951	Thượng Đổ 2					
344	139	Nguyễn Hữu Thành	1	23/11/1981	1	030081004473	Thượng Đổ 2					
345		Đào Thị Chúc	2	21/04/1987	2	030187001596	Thượng Đổ 2					
346		Nguyễn Hữu Minh	3	18/11/2008	1	030208001654	Thượng Đổ 2					
347		Nguyễn Hải Hòa	3	21/10/2011	1	030211016118	Thượng Đổ 2					
348	140	Bùi Thị Nhan	1	07/02/1992	2	030192012494	Thắng Yên					
349		Bùi Đức Công	3	31/10/2015	1	030215017941	Thắng Yên					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
350	141	Lê Văn Quyết	1	10/05/1976	1	030076003773	Thắng Yên					
351		Nguyễn Thị Lý	2	05/01/1979	2	030179004488	Thắng Yên					
352		Lê Thị Quỳnh Chi	3	25/01/2005	2	030305005319	Thắng Yên					
353		Lê Thùy Nhiên	3	27/03/2009	2	030309015771	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
354	142	Nguyễn Thị Nhung	1	06/06/1992	2	030192017266	Thắng Yên					
355		Bùi Gia Hưng	3	14/08/2014	1	030214014277	Thắng Yên					
356		Bùi Ngọc Phúc Thịnh	3	27/03/2019	1	030219004115	Thắng Yên					
357	143	Bùi Thị Nhung	1	04/01/1983	2	030183005864	Thắng Yên					
358		Nguyễn Văn Nho	3	20/02/2008	1	030208007555	Thắng Yên					
359	144	Nguyễn Quang Hải	1	02/07/1975	1	030075017581	Thắng Yên					
360		Nguyễn Thị Hương	2	02/12/1976	2	030176015765	Thắng Yên					
361		Nguyễn Quang Huy	3	25/03/2005	1	030205009672	Thắng Yên					
362		Nguyễn Quang Hoàng	3	10/09/2006	1	030206010422	Thắng Yên					
363	145	Nguyễn Văn Khánh	1	14/10/1979	1	030079005750	Thắng Yên					
364		Bùi Thị Tình	2	21/07/1987	2	030187019304	Thắng Yên					
365		Nguyễn Thu Minh	3	15/04/2011	2	030311002110	Thắng Yên					
366		Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	3	05/02/2014	1	030214001285	Thắng Yên					
367		Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	3	27/11/2018	1	030218000083	Thắng Yên					
368	146	Bùi Văn Thu	1	26/03/1980	1	030080007954	Thắng Yên					
369		Bùi Hà Vy	3	23/12/2005	2	030305009229	Thắng Yên					
370		Bùi Thanh Xuân	3	28/03/2007	2	030307017034	Thắng Yên					
371		Bùi Thị Hương Chúc	3	16/09/2011	2	030311010017	Thắng Yên					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
372	147	Nguyễn Thị Kỳ	1	20/04/1966	2	030166012844	Thắng Yên					
373	148	Nguyễn Văn Sứ	1	03/05/1970	1	030070004661	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
374		Bùi Thị Dung	2	01/08/1972	2	030172008444	Thắng Yên					
375		Nguyễn Thị Khánh Ly	3	17/02/2011	2	030311004663	Thắng Yên					
376	149	Nguyễn Văn Vân	1	01/01/1954	1	030054015601	Thắng Yên	Hưu trí xã hội	700,000			Khoản 1 Điều 2
377	150	Bùi Thị Thắm	1	07/11/1979	2	030179006495	Bộ Hồ					
378		Phạm Văn Tiệp	2	10/10/1971	1	030071013337	Bộ Hồ					
379		Phạm Hữu Trung Tiến	3	26/12/2002	1	030302006142	Bộ Hồ					
380		Phạm Hữu Thành	3	08/03/2004	1	030204001571	Bộ Hồ					
381		Phạm Thị Lan Phương	3	18/02/2015	2	030315009867	Bộ Hồ					
382	151	Phạm Văn Mạnh	1	20/10/1968	1	030068000336	Bộ Hồ					
383		Nguyễn Thị Động	2	22/10/1968	2	030168020090	Bộ Hồ					
384	152	Trần Văn Cương	1	05/08/1984	1	030084008276	Bộ Hồ					
385		Vũ Thanh Kim Liên	2	25/06/1984	2	001184025755	Bộ Hồ					
386		Trần Công Lượng	3	12/12/2010	1	030210014209	Bộ Hồ					
387		Trần Quốc Bảo	3	22/03/2014	2	030214015500	Bộ Hồ					
388		Trần Thị Thanh Tâm	3	13/12/2019	2	030319014992	Bộ Hồ					
389	153	Phạm Trọng Huyền	1	07/07/1978	1	030078018644	Bộ Hồ					
390		Đào Thị Thu Thủy	2	16/09/1985	2	036185027758	Bộ Hồ					
391		Phạm Duy	3	25/09/2013	1	030213013561	Bộ Hồ					
392		Phạm Du	3	16/12/2014	1	030214003627	Bộ Hồ					
393	154	Hoàng Thị San	1	01/01/1957	2	030157013015	Bộ Hồ					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
394	155	Nguyễn Văn Nhượng	1	17/12/1976	1	030076008464	Bộ Hồ					
395		Nguyễn Thị Lành	2	27/01/1970	2	030170005325	Bộ Hồ					
396		Nguyễn Văn Tú	3	06/06/2007	1	030207016588	Bộ Hồ					
397	156	Nguyễn Thị Khiên	1	02/09/1962	2	030162005528	Bộ Hồ					
398		Hoàng Văn Thiệu	3	06/06/1991	1	030091023429	Bộ Hồ					
399	157	Phạm Văn Tân	1	15/04/1950	1	030050002484	Bộ Hồ					
400		Phạm Thị Hạnh	2	24/05/1951	2	030151000891	Bộ Hồ	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
401	158	Hoàng Văn Luyện	1	17/02/1985	1	030085009258	Bộ Hồ	Khuyết tật nặng	1,050,000			Khoản 1 Điều 2
402		Đỗ Thị Sáu	2	04/02/1985	2	030185018967	Bộ Hồ					
403		Hoàng Phi Hùng	3	26/09/2012	1	030212014073	Bộ Hồ					
404	159	Ninh Xuân Chiến	1	08/07/1959	1	030059004529	Bộ Hồ	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
405		Nguyễn Thị Ngoan	2	07/06/1961	2	030161004116	Bộ Hồ					
406	160	Nguyễn Thị Quýt	1	01/01/1963	2	030163018621	Bùng Dưa					
407	161	Lê Thị Liên	1	16/08/1959	2	030159013684	Bùng Dưa					
408	162	Vũ Thị Ngọc	1	22/04/1964	2	030164003145	Bùng Dưa	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
409	163	Lê Thị Thắm	1	02/01/1959	2	030159003997	Bùng Dưa					
410	164	Vũ Văn Tuấn	1	08/02/1986	1	030086015070	Bùng Dưa					
411		Lê Thị Thúy Hằng	2	20/08/1994	2	045194000120	Bùng Dưa					
412		Vũ Minh Khang	3	23/04/2020	1	030220004546	Bùng Dưa					
413		Vũ Minh An	3	06/09/2022	1	030322006551	Bùng Dưa					
414		Vũ Thị Minh Ngọc	3	02/01/2024	2	030324001245	Bùng Dưa					
415	165	Vũ Văn Ưu	1	10/08/1966	1	030066001923	Bùng Dưa					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
416		Nguyễn Thị Tuyền	2	24/08/1970	2	030170002871	Bùng Dưa					
417		Vũ Văn Tâm	3	08/03/1994	1	030094002861	Bùng Dưa					
418	166	Trần Thị Vân Anh	1	03/09/1994	2	030194001376	An Bình					
419		Trần Văn Chính	3	18/08/2014	1	030214003684	An Bình					
420		Trần Thị Ngọc Vy	3	30/08/2016	2	030316009920	An Bình					
421		Trần Thị Ngọc Chi	3	13/11/2018	2	030318000024	An Bình					
422		Trần Văn Hoàng	3	12/11/2021	1	030221012895	An Bình					
423	167	Ninh Thị Mai	1	10/04/1957	2	030157003269	An Bình					
424	168	Nguyễn Thị Hà	1	10/01/1958	2	030158003626	An Bình					
425	169	Nguyễn Văn Mọc	1	08/04/1954	1	030054001328	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
426		Nguyễn Thị Ư	2	01/01/1954	2	030154004310	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
427	170	Vũ Văn Sức	1	01/01/1947	1	030047007406	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
428		Võ Văn Minh	5	23/10/1991	1	030091017125	Xuân Mang	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
429		Võ Thu Hương	5	31/10/2017	2	030317002974	Xuân Mang					
430	171	Nguyễn Thị Nhuận	1	01/01/1952	2	030152011830	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
431		Nguyễn Văn Nam	3	21/09/1985	1	030085007668	Xuân Mang					
432	172	Nguyễn Văn Từu	1	01/01/1962	1	030062001225	Xuân Mang					
433		Nguyễn Thị Sĩ	2	01/01/1962	2	030162001308	Xuân Mang					
434	173	Trần Thị Chàn	1	01/01/1954	2	030154016965	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
435	174	Võ Văn Lộ	1	30/01/1960	1	030060012173	Xuân Mang					
436		Nguyễn Thị Huệ	2	18/05/1965	2	030165011264	Xuân Mang	0	0		01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2
437	175	Phạm Thị Ngán	1	09/08/1968	2	030168003937	Phạm Xá 1					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
438		Phạm Thị Mỹ Linh	3	25/06/1997	2	030197001665	Phạm Xá 1					
439	176	Nguyễn Văn Hào	1	26/05/1963	1	030063005679	Phạm Xá 1					
440		Nguyễn Thị Nhấn	2	20/02/1963	2	030163006023	Phạm Xá 1					
441	177	Phạm Thị Minh	1	05/04/1971	2	030171008633	Phạm Xá 1					
442		Phạm Minh Quân	3	13/08/2012	1	030212010954	Phạm Xá 1					
443	178	Nguyễn Văn Tiến	1	27/07/1965	1	030065007575	Phạm Xá 1					
444		Nguyễn Thị Xâm	2	01/01/1966	2	030166004077	Phạm Xá 1					
445	179	Nguyễn Văn Thảo	1	10/10/1960	1	030060004308	Phạm Xá 1					
446		Cao Thị Thường	2	02/06/1961	2	030161005544	Phạm Xá 1					
447	180	Nguyễn Đình Tường	1	06/06/1959	1	030059002743	Phạm Xá 1					
448		Nguyễn Thị Mơ	2	27/01/1965	2	030165003291	Phạm Xá 1					
449		Nguyễn Anh Thư	5	26/07/2009	2	030309007135	Phạm Xá 1					
450	181	Vũ Văn Soái	1	06/09/1958	1	030058000255	Phạm Xá 2					
451		Nguyễn Thị Phẩm	2	15/08/1956	2	030156002423	Phạm Xá 2					
452	182	Vũ Huy Tôn	1	01/08/1965	1	030065007716	Phạm Xá 2	0	0		01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2
453		Phạm Thị Nhung	2	25/03/1969	2	030169007119	Phạm Xá 2					
454		Vũ Hoàng Tùng	3	03/05/2004	1	030204013585	Phạm Xá 2					
455	183	Vũ Văn Ứng	1	08/02/1965	1	030065016798	Phạm Xá 2					
456		Nguyễn Thị Lan	2	06/12/1968	2	030168004101	Phạm Xá 2	0	0		01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2
457	184	Nguyễn Thị Khoai	1	01/01/1952	2	030152013420	Phạm Xá 2	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
458	185	Nguyễn Thị Hiền	1	01/01/1953	2	030153010724	Phạm Xá 2	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
459	186	Phạm Thị Tri	1	01/01/1932	2	030132006318	Vang Phan	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
460	187	Nguyễn Thị Phô	1	01/01/1935	2	030135000787	Vang Phan	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
461	188	Phạm Văn Bang	1	16/05/1950	1	030050009672	Vang Phan					
462		Phạm Thị Mơ	2	20/04/1950	2	030150004882	Vang Phan	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
463	189	Vũ Văn Khải	1	01/01/1967	1	030067000753	Cam Thượng					
464		Phạm Thị Sáu	2	01/09/1968	2	030168000874	Cam Thượng					
465	190	Phạm Thị Nguyệt	1	01/01/1961	2	030161012970	Cam Thượng					
466	191	Nguyễn Văn Tuyển	1	05/10/1952	1	030052009266	Cam Thượng					
467		Nguyễn Thị Duyên	2	25/08/1952	2	030152001432	Cam Thượng	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
468		Nguyễn Văn Thiên	3	20/06/1988	1	030088017314	Cam Thượng					
469		Nguyễn Văn Thoại	3	01/01/1981	1	030081014560	Cam Thượng					
470	192	Lương Thị Thúc	1	04/12/1984	2	020184000057	Cam Thượng					
471		Nguyễn Hà Ninh	2	24/11/1986	1	030086012735	Cam Thượng					
472		Nguyễn Lương Thảo Quyên	3	21/04/2013	2	030313018627	Cam Thượng					
473		Nguyễn Minh Quang	3	07/03/2017	1	030217001551	Cam Thượng					
474		Nguyễn Lương Thảo Nguyễn	3	01/09/2007	2	030307009322	Cam Thượng					
475	193	Phạm Thị Oanh	1	03/12/1991	2	030191015007	Cam Đông					
476		Phạm Thị Quỳnh Anh	3	05/10/2015	2	030315016184	Cam Đông					
477		Phạm Hoàng Tiến	3	10/05/2017	1	030217005521	Cam Đông					
478		Phạm Thị Thu Thủy	3	16/05/2018	2	030318009749	Cam Đông					
479	194	Nguyễn Thị Nguyệt	1	03/05/1958	2	030158005369	Cam Đông					
480	195	Nguyễn Thị Sào	1	07/08/1953	2	030153001920	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
481	196	Ngô Văn Hạ	1	01/01/1955	1	030055005457	Cam Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
482		Nguyễn Thị Lua	2	01/01/1954	2	030154011177	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
483	197	Phạm Văn Cương	1	01/10/1960	1	030060013075	Cam Đông					
484		Vũ Thị Tinh	2	01/01/1958	2	030158005540	Cam Đông					
485	198	Trần Thị Thanh	1	16/02/1954	2	030154003236	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
486	199	Nguyễn Thị Lữu	1	20/03/1947	2	030147000179	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
3. Hộ thoát nghèo												
1	1	Bùi Thị Nguyệt	1	19/06/1954	2	030154005583	Quyết Tâm	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2
3	2	Bùi Thị Nhiên	1	01/01/1954	2	030154009226	Quyết Tâm	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2
6	3	Bùi Thị Ứng	1	03/08/1956	2	030156011345	Quyết Tâm	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2
7	4	Bùi Thị Sửu	1	07/09/1949	2	030149002607	Hợp Nhất	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
8	5	Bùi Thị Lờ	1	01/03/1955	2	030155010965	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
9	6	Bùi Thị Thê	1	20/10/1952	2	030152004361	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
10	7	Bùi Thị Cảnh	1	03/03/1954	2	030154004796	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
11	8	Bùi Thị Cảnh	1	14/02/1955	2	030155012905	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
12	9	Lê Thị Hòa	1	11/01/1956	2	030156002016	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
13	10	Bùi Thị Bồn	1	05/10/1959	2	030159006627	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
14	11	Bùi Thị Toán	1	07/01/1962	2	030162007950	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
15	12	Nguyễn Thị Tâm	1	05/09/1963	2	030163006464	Hợp Nhất	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
16	13	Bùi Thị Ngoãn	1	01/08/1947	2	030147001234	Minh Thành	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
17		Bùi Duy Đản	5	12/01/1957	1	030057016636	Minh Thành					
18	14	Bùi Thị Lưu	1	07/05/1948	2	030148001680	Minh Thành	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
19	15	Bùi Thị Duyên	1	02/01/1947	2	030147001586	Minh Thành	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
20	16	Nguyễn Thị Lựu	1	20/02/1958	2	030158003474	Minh Thành	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
21	17	Bùi Thị Nga	1	21/10/1962	2	030162008189	Minh Thành					
22	18	Lê Thị Đỡ	1	20/11/1951	2	030151006257	Thanh liên	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
23	19	Phạm Thị Tới	1	13/07/1958	2	030158009935	Thanh liên	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
24	20	Nguyễn Thị Thủy	1	24/09/1957	2	030157007678	Thanh liên	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
25		Nguyễn Thị Hoan	5	16/06/1967	2	030167006733	Thanh liên					
26	21	Nguyễn Thị Mỹ	1	23/07/1957	2	030157013369	Thanh liên	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
27	22	Dương Thị Tình	1	08/03/1954	2	030154015595	Thanh liên	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
28	23	Phạm Thị Nghĩa	1	23/08/1949	2	030149009424	Thanh liên	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
29	24	Nguyễn Thị Mai	1	04/03/1971	2	030171001812	Lai khô					
30		Nguyễn Thị Mơ	3	02/03/2008	2	030308009389	Lai khô	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
31	25	Ninh Thị Mùi	1	01/01/1957	2	030157000849	Lai khô					chết
32	26	Nguyễn Thị Vở	1	20/12/1947	2	030147004596	Lai khô	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
33	27	Nguyễn Thị Đến	1	10/04/1939	2	030139006593	Lai khô	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
34	28	Bùi Quang Hạ	1	17/02/1946	1	030046000331	Lai khô	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
36		Bùi Thị Phương Linh	5	12/08/2010	2	030310014521	Lai khô					
37		Bùi Thị Thu Hiền	5	06/08/2012	2	030312015335	Lai khô					
38	29	Bùi Thị Loan	1	12/07/1954	2	030154001191	Lai khô	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
39	30	Đào Thị Lương	1	05/08/1960	2	030160000567	Lai khô	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
40	31	Nguyễn Thị Lân	1	02/06/1949	2	030149004101	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
41	32	Đoàn Hữu Ly	1	01/01/1961	1	030061012067	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
43	33	Lê Thị Mơ	1	16/04/1978	2	030178015985	Tường vu					
44		Đoàn Lê Minh Sơn	3	30/07/2014	1	030214020419	Tường vu					
45		Đoàn Lê Việt Anh	3	05/09/2009	1	030209008393	Tường vu	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
46	34	Nguyễn Văn Thịnh	1	03/09/1984	1	030084021329	Tường vu	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
47		Nguyễn Thị Lan	2	08/06/1986	2	030186009294	Tường vu					
48		Nguyễn Bá Tuấn	3	09/12/2008	1	030208011138	Tường vu					
49		Nguyễn Bá Tú	3	09/07/2013	1	030213188855	Tường vu					
50	35	Đỗ Thị Diện	1	23/08/1969	2	030169004867	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
51	36	Bùi Thị Hường	1	10/10/1945	2	030145000373	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
52		Trịnh Đức Ngải	2	01/01/1945	1	030045006747	Tường vu					
53		Trịnh Đức Quyết	3	03/10/1980	1	030080018159	Tường vu	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
54	37	Nguyễn Thị Hiền	1	03/02/1961	2	030161012208	Tường vu	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
55		Nguyễn Thị Hiền	5	22/12/1964	2	030164016435	Tường vu	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
56	38	Trần Thị An	1	01/02/1952	1	030152014546	Đông	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
57	39	Nguyễn Đạt Cù	1	14/02/1948	1	030048004974	Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
58		Trần Thị Gái	2	01/01/1950	2	030150014924	Đông					
59	40	Nguyễn Thị Sót	1	02/06/1954	2	030154004125	Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
60	41	Trần Thị Nữ	1	16/06/1984	2	030184023438	Đông					
61		Trần Công Tuấn	3	12/08/2008	1	030208008259	Đông	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
62		Trần Công Sơn	3	30/06/2010	1	030210013350	Đông	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
63		Nguyễn Thị Minh	1	11/02/1981	2	030181004979	Đông					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
64	42	Trần Công Thanh Quang	3	29/04/2009	1	030209011527	Đông					
65		Trần Công Minh Quân	3	25/08/2012	1	030212007780	Đông					
73	45	Nguyễn Thị Riu	1	01/01/1936	2	030136006058	Giữa	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
74	46	Nguyễn Thị Chiệng	1	10/11/1954	2	030154010041	Giữa					
75	47	Nguyễn Thị Vững	1	24/08/1940	2	030140007183	Bắc					
76	48	Nguyễn Thị Nhỡ	1	10/05/1934	2	030134007738	Bắc					
77	49	Nguyễn Thị Chi	1	05/08/1956	2	030156014316	Bắc					
78	50	Nguyễn Bá Hiến	1	30/03/1989	1	030089006304	Bắc					
79		Tạ Thị Hồng Ngân	2	25/12/1990	2	030190009667	Bắc					
80		Nguyễn Thị Phương Loan	3	19/05/2014	2	030314015529	Bắc					
81		Nguyễn Khánh Huyền	3	06/10/2018	2	030318017616	Bắc					
94	54	Lê Thị Bồn	1	10/10/1955	2	030155009829	Vũ Xá	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
95	55	Đặng Thị Nga	1	01/01/1950	2	030150000586	Vũ Xá	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
96	56	Lê Thị Trăm	1	14/06/1960	2	030160002541	Vũ Xá	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
97	57	Tạ Thị Dung	1	09/12/1963	2	030163013425	Vũ Xá	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
98	58	Trần Thị Bàng	1	02/11/1944	2	030144000587	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
99	59	Nguyễn Thị Lược	1	01/01/1955	1	030155012812	Thượng Đổ 1	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
100	60	Nguyễn Thị Hằng	1	01/10/1956	1	030156016728	Thượng Đổ 1	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
101	61	Bùi Thị Phàm	1	15/02/1938	2	030138009863	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
102		Bùi Thị Hạnh	5	01/01/1947	2	030147009802	Thượng Đổ 1	Thanh niên XP	1,000,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
103	62	Hoàng Thị Liên	1	03/06/1954	2	030154011162	Thượng Đổ 1	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
104	63	Tạ Thị Thắng	1	05/07/1952	2	030152013429	Thượng Đổ 1	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
105	64	Nguyễn Thị Hệ	1	03/10/1954	2	030154015124	Thượng Đổ 2	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
106	65	Nguyễn Thị Uôn	1	17/10/1954	2	030154004508	Thượng Đổ 2	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
107	66	Trần Thị Tuy	1	18/05/1958	2	030158017312	Thượng Đổ 2	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
108	67	Vũ Thị Vui	1	20/09/1952	2	030152010950	Thượng Đổ 2					
109		Trần Thị Hạnh	3	04/04/1976	2	030176003409	Thượng Đổ 2					
113	68	Nguyễn Thị Lá	1	18/03/1961	2	030161011534	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
114	69	Nguyễn Thị Tranh	1	18/06/1960	2	030160004540	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
115	70	Nguyễn Thị Thân	1	15/01/1960	2	030160020793	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
116	71	Nguyễn Thị Hợi	1	09/11/1959	2	030159016407	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
123	73	Vũ Thị Lý	1	01/01/1961	2	030161015133	Bộ Hồ					
124		Trần Thị Luận	3	21/11/1982	2	030182010521	Bộ Hồ					
125	74	Vũ Thị Thự	1	03/08/1954	2	030154009495	Bùng Dưa	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
126	75	Phạm Thị Hiên	1	01/01/1949	2	030149001840	Bùng Dưa	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
127	76	Vũ Thị Thuyền	1	01/01/1981	2	030181006778	Bùng Dưa	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
128		Nguyễn Vũ Yến Nhi	3	17/09/2010	2	030310011921	Bùng Dưa					
129		Phạm Minh Anh	3	06/07/2016	2	030216006184	Bùng Dưa					
130	77	Phạm Thị Phi	1	04/03/1948	2	030148001490	Bùng Dưa	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
131	78	Phạm Thị Khê	1	01/01/1949	2	030149007013	An Bình	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
133	79	Ninh Đình Trọng	3	07/10/2003	1	030203004287	An Bình					
139	81	Trịnh Thị Hồng Liên	1	12/8/1969	2	030169010685	An Bình					
140		Trịnh Thị Hòa	5	18/11/1977	2	030177013317	An Bình	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
141		Trịnh Văn Tuấn	5	01/01/1981	1	030081020010	An Bình	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
142	82	Nguyễn Văn Chi	1	01/01/1941	1	030041002509	Xuân Mang	Hưu trí xã hội, chăm sóc KTĐBN	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
143		Vũ Thị De	2	01/01/1951	2	030151000209	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
144		Nguyễn Thị Liên	5	01/01/1975	2	030175026926	Xuân Mang	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
145	83	Nguyễn Thị Cừu	1	01/01/1953	2	030155002243	Xuân Mang					Bổ sung bệnh án
146	84	Nguyễn Thị Lành	1	01/01/1954	2	030154000161	Xuân Mang					
147	85	Nguyễn Thị Phen	1	01/01/1949	2	030149006852	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
148	86	Ninh Thị Kỳ	1	01/01/1940	2	030140007879	Xuân Mang					chết
149	87	Võ Thị Thay	1	05/05/1960	2	030160014586	Xuân Mang	0	0		01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2
150	88	Vũ Thị Xa	1	01/01/1930	2	030130002229	Phạm Xá 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
151	89	Nguyễn Thị Gái	1	01/01/1928	2	030128001509	Phạm Xá 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
152	90	Cao Thị Hoa	1	01/01/1930	2	030130005746	Phạm Xá 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
153	91	Nguyễn Thị Chiêu	1	27/09/1946	2	030146001655	Phạm Xá 1	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
154	92	Nguyễn Thị Hiệt	1	30/10/1953	2	030153004245	Phạm Xá 2	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2
155	93	Nguyễn Ngọc Cù	1	01/02/1960	1	030060018869	Phạm Xá 2	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
156	94	Nguyễn Thị Bé	1	01/01/1957	2	030157003783	Phạm Xá 2	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2
157		Nguyễn Thị Tý	5	01/01/1959	2	030159009788	Phạm Xá 2	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
158	95	Phạm Thị Quy	1	10/09/1958	2	030158008535	Phạm Xá 2	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2
159	96	Tiêu Thị Thắm	1	12/02/1962	2	030162008297	Phạm Xá 2	Chăm sóc người KTĐBN	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
160		Tiêu Thị Trang	3	03/10/1998	2	030198005369	Phạm Xá 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
161	97	Lê Thị Bé	1	01/01/1961	2	030161005755	Vang Phan	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
162	98	Phạm Thị Mềm	1	01/05/1955	2	030155003047	Vang Phan	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
163	99	Nguyễn Thị Vê	1	01/01/1962	2	030162019693	Vang Phan	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2
164	100	Phạm Thị Sáu	1	1/1/1946	2	030146001709	Vang Phan	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
165	101	Phạm Thị Hương	1	02/02/1960	2	030160005907	Cam Thượng					
167	102	Nguyễn Thị Vây	1	01/01/1956	2	030156010565	Cam Thượng	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2
168	103	Vũ Văn Chưống	1	02/01/1932	1	030032005003	Cam Thượng	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
169	104	Vũ Thị Thanh	1	11/06/1937	2	030137003830	Cam Thượng	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
170	105	Nguyễn Văn Quân	1	27/01/1988	1	030088000351	Cam Đông	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
171	106	Vũ Thị Soạn	1	01/01/1941	2	030141007201	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
172		Phạm Văn Minh	3	20/08/1963	1	030063019006	Cam Đông					
173	107	Nguyễn Thị Nhỡ	1	10/07/1950	2	030150004123	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
174	108	Phạm Thị Then	1	06/01/1959	2	030159000939	Cam Đông	0	0		01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2
179	110	Nguyễn Thị Hơ	1	28/02/1937	2	030137004251	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
180	111	Trần Thị Cạnh	1	01/01/1929	2	30129001902	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
181	112	Phạm Thị Chiếm	1	10/12/1946	2	030146007752	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
4. Hộ thoát cận nghèo												
1	1	Bùi Bách Thuần	1	20/03/1957	1	030057017836	Quyết Tâm					
2		Vũ Thị Tuyền	2	22/02/1959	2	030159006626	Quyết Tâm					
3	2	Bùi Duy Nhưng	1	30/05/1960	1	030060006502	Quyết Tâm	0	0		01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2
4		Bùi Thị Hận	2	25/02/1958	2	030158008200	Quyết Tâm					
5	6	Vũ Văn Quang	1	15/10/1981	1	030080013703	Quyết Tâm					
6		Nguyễn Thị Thoa	2	09/02/1981	2	030181019181	Quyết Tâm					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	3	Vũ Thị Huệ	3	15/02/2007	2	030307012934	Quyết Tâm					
8		Vũ Thị Như Quỳnh	3	13/01/2009	2	030309005554	Quyết Tâm	0	0		01/2026	Điểm d khoản 2 Điều 2
9		Vũ Văn An	3	21/04/2013	1	030213008415	Quyết Tâm					
10	4	Bùi Ngọc Luyến	1	01/01/1962	1	030062001176	Quyết Tâm	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
11		Bùi Thị Lương	2	01/04/1961	2	030161000868	Quyết Tâm					
12	5	Bùi Thị Thìn	1	26/06/1976	2	030176002185	Quyết Tâm					
13		Bùi Thị Thùy Dương	3	08/11/2004	2	030304006928	Quyết Tâm					
14	6	Bùi Ngọc Điền	1	30/08/1984	1	030084025533	Quyết Tâm					
15		Vũ Thị Ánh	2	08/10/1985	2	035185012565	Quyết Tâm					
16		Bùi Thị Vân Anh	3	25/12/2005	2	030305004498	Quyết Tâm					
17		Bùi Thị Hải Yến	3	18/11/2007	2	030307002412	Quyết Tâm					
18		Bùi Thị Mai Linh	3	16/02/2011	2	030311007549	Quyết Tâm					
19	7	Bùi Văn Minh	1	01/01/1957	1	030057003484	Hợp Nhất					
20		Bùi Thị Ngoi	2	01/01/1951	2	030151001356	Hợp Nhất					
21	8	Bùi Thị Dẻo	1	01/01/1956	2	030156003205	Hợp Nhất					
22	9	Bùi Hữu Tuấn	1	04/08/1984	1	030084021455	Hợp Nhất					
23		Bùi Tuấn Kiên	3	31/01/2011	1	030211015279	Hợp Nhất					
24		Bùi Thị Ngọc Hiền	3	19/11/2014	2	030314004780	Hợp Nhất					
25		Bùi Thị Ngọc Trang	3	28/04/2018	2	030318005487	Hợp Nhất					
26	10	Bùi Thị Thanh Chuyên	1	16/06/1981	2	030181009548	Minh Thành					
27		Phạm Nhật Nam	3	19/01/2003	1	030203006023	Minh Thành					
28		Bùi Ngọc Thu Hà	3	14/8/2012	2	030312016496	Minh Thành					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
29	11	Bùi Ngọc Trung	1	14/05/2004	1	062204000035	Minh Thành					
30		Bùi Thị Thảo	5	18/08/2007	1	062307006387	Minh Thành					
31		Bùi Ngọc Trường	5	18/02/2010	1	062210004833	Minh Thành					
32		Bùi Ngọc Sơn	5	18/02/2010	1	062210004005	Minh Thành					
33	12	Nguyễn Minh Lâm	1	17/03/2016	1	030216018238	Minh Thành					
34	13	Phạm Thị Tĩnh	1	18/10/1959	2	030159007872	Thanh Liên					
35		Trần Đình Trung	3	01/01/1982	1	030082007810	Thanh Liên					
36	14	Nguyễn Thị Ly	1	01/10/1970	2	030170001589	Thanh Liên					
37		Lâm Kiều Phúc	2	01/01/1971	1	030071017256	Thanh Liên	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
38		Lâm Thị Hồng	3	11/05/2005	2	030305008520	Thanh Liên					
39		Lâm Xuân Quý	3	06/11/2000	1	030200003245	Thanh Liên	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
40	15	Nguyễn Thị Lan	1	11/10/1969	2	030169000133	Thanh Liên					
41	16	Trần Trọng Tiến	1	12/11/1973	1	030073011757	Lai Khê	0	0		01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2
42		Hoa Thị Huệ	2	29/04/1971	2	022171009718	Lai Khê					
43		Trần Trung Tín	3	22/08/2011	1	030211020887	Lai Khê					
44	17	Mạc Thị Hằng	1	19/07/1978	2	030178014210	Lai Khê					
45		Bùi Lệ Quyên	3	26/04/2013	2	030313006415	Lai Khê					
46	18	Nguyễn Thị Xa	1	03/02/1934	2	030134006275	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
47		Nguyễn Thị Lâm	3	02/09/1972	2	030172001592	Tường vu					
48		Phạm Nguyễn Bình An	5	14/09/2011	1	030311011818	Tường vu					
49	19	Đoàn Thị Quân	1	15/06/1966	2	030166014976	Tường vu	0	0		06/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2
50		Đoàn Thị Phụng	5	20/04/1964	2	030164017992	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
51	20	Đoàn Thị Huyền	1	21/02/1979	2	030179004441	Tường vu					
52		Nguyễn Thị Quỳnh	3	19/11/1999	2	030199012067	Tường vu					
53		Nguyễn Thị Lan Anh	3	21/05/2002	2	030302009175	Tường vu					
54		Nguyễn Văn Phúc	3	21/04/2008	1	030208010652	Tường vu					
55	21	Nguyễn Công Thảo	1	09/02/1954	1	030054002296	Giữa					
56		Nguyễn Thị Đoán	2	04/04/1961	2	030161008695	Giữa					
57	22	Vũ Xuân Thoa	1	15/10/1970	1	030070027392	Giữa					
58		Nguyễn Thị Tường	2	05/05/1971	2	030171027509	Giữa					
59		Vũ Xuân Biên	3	11/7/1992	1	030092021431	Giữa					
60		Vũ Xuân Hưng	3	20/6/1998	2	030098011162	Giữa					
61		Vũ Thị Thanh Thủy	3	15/8/2009	2	030309007495	Giữa					
62	23	Nguyễn Thị Chuyền	1	19/10/1978	2	030178015462	Giữa					
63		Nguyễn Thanh Huyền	3	02/10/2009	2	030309011610	Giữa					
64	24	Bùi Thị Khánh	1	01/01/1941	2	040141008298	Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
65		Hoàng Hà Linh	5	16/05/2012	2	030312012551	Đông					
66		Hoàng Gia Kiệt	5	27/04/2013	1	030213015056	Đông					
67	25	Nguyễn Hữu Hải	1	26/04/1979	1	030079013364	Đông					
68		Nguyễn Thị Khánh Huyền	3	01/02/2007	2	030307008789	Đông	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
69		Nguyễn Thị Khánh Ngọc	3	01/07/2010	2	030310016047	Đông					
70		Nguyễn Hữu Gia Huy	3	05/11/2016	1	030216013146	Đông					
71	26	Nguyễn Danh Thề	1	20/03/1960	1	030060012740	Đông					
72		Bùi Thị Khánh	2	02/09/1964	2	030164003048	Đông					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
73	27	Nguyễn Thị Chinh	1	01/01/1944	2	030144007116	Bắc					
74	28	Lương Văn Bắc	1	02/02/1981	1	030081004989	Vũ Xá					
75		Lương Thị Hằng	2	25/10/1985	2	030185020618	Vũ Xá					
76		Lương Văn Ninh	3	19/11/2006	1	030206014097	Vũ Xá					
77		Lương Thị Ngọc Duyên	3	13/10/2008	2	030308005264	Vũ Xá					
78		Lương Văn Gia Huy	3	17/02/2019	1	030219001906	Vũ Xá					
79	29	Lê Văn Hanh	1	01/01/1974	1	030074003547	Vũ Xá					
80		Bùi Thị Huế	2	10/7/1979	2	030179003793	Vũ Xá					
81		Lê Thị Hồng Thương	3	27/01/2003	2	030303002518	Vũ Xá					
82		Lê Ngọc Tâm Đan	5	14/01/2023	2	030323001833	Vũ Xá					
83	30	Nguyễn Thị Tuyết	1	20/10/1984	2	030184002782	Thượng Đổ 1					
84		Nguyễn Minh Châu	3	20/06/2015	2	030315005435	Thượng Đổ 1					
85	31	Hoàng Vũ Thao	1	30/04/1964	1	030064016176	Thượng Đổ 1					
86		Lê Thị Thường	2	22/04/1969	2	030169003157	Thượng Đổ 1					
87	32	Bùi Thị Mơ	1	20/11/1958	2	030158022303	Thượng Đổ 1					
88	33	Bùi Thị Sự	1	10/08/1958	2	030158002625	Thượng Đổ 1					
89	34	Nguyễn Văn Mạnh	1	28/10/1978	1	030078012347	Thượng Đổ 2					chết
90		Nguyễn Tiến Dũng	3	16/07/2008	1	030208011623	Thượng Đổ 2					
91	35	Trần Thị Xuân	1	10/10/1969	2	030169008590	Thượng Đổ 2					
92	36	Nguyễn Ngọc Anh	1	10/01/1993	2	030193003094	Thắng Yên	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
93	37	Bùi Văn Đới	1	01/01/1964	1	030064014528	Thắng Yên					
94	38	Nguyễn Thị The	2	23/06/1959	2	030159011061	Thắng Yên					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
95	39	Nguyễn Thị Hường	1	10/10/1968	2	030168005066	Thắng Yên					
96		Nguyễn Văn Tiệp	3	16/08/1987	1	030087004506	Thắng Yên					
97		Nguyễn Lê Thảo Vy	5	21/03/2010	2	030310008488	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
98		Nguyễn Lê Anh Vũ	5	21/04/2014	1	030214000579	Thắng Yên					
99	40	Đỗ Văn Viễn	1	03/02/1967	1	030067010654	Thắng Yên	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
100		Nguyễn Thị Mát	2	07/10/1971	2	030171022996	Thắng Yên					
101		Đỗ Văn Minh	3	27/06/2003	1	030203004871	Thắng Yên					
102	41	Lê Văn Cương	1	01/05/1959	1	031059011788	Thắng Yên					
103		Nguyễn Thị Đường	2	17/06/1960	2	030160004238	Thắng Yên					
104		Lê Thị Thanh Huyền	3	01/05/2011	2	030311000660	Thắng Yên					
105		Lê Nam Ninh	3	02/08/2012	1	030212022217	Thắng Yên					
106		Lê Hoàng Đô	3	17/09/2017	1	030217001427	Thắng Yên					
107	42	Nguyễn Thị Chung	1	23/06/1962	2	030162003119	Thắng Yên	Tuất BHXH hàng tháng	1,170,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
108	43	Phạm Văn Dũng	1	02/01/1981	1	030081007953	Bộ Hồ					
109		Phạm Quốc Dược	3	23/05/2006	1	030206010699	Bộ Hồ	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2
110		Phạm Quốc Duẩn	3	29/05/2009	1	030209011558	Bộ Hồ					
111	44	Hoàng Văn Tuấn	1	2/12/1958	1	030058019587	Bộ Hồ					
112		Phạm Thị Hằng	2	02/09/1962	2	030162002569	Bộ Hồ					
113		Hoàng Văn Quyển	3	12/10/1989	1	030089005169	Bộ Hồ					
115	46	Vũ Văn Bồi	1	01/01/1959	1	037059009893	Bộ Hồ					
116		Nguyễn Thị Liên	2	01/01/1965	2	030165016624	Bộ Hồ					
117	47	Nguyễn Văn Khương	1	01/10/1959	1	030059003289	Bộ Hồ					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
118		Nguyễn Thị Vượng	2	08/03/1963	2	030163005027	Bộ Hồ					
119	48	Hoàng Đình Thụy	1	11/08/1976	1	030076013600	Bộ Hồ					
120		Hoàng Thị Thắm	3	22/04/2007	2	030307003606	Bộ Hồ					
121	49	Lê Thị Xuyên	1	05/04/1987	2	030187007969	Bùng Dưa					
122		Vũ Lê Quỳnh Anh	3	11/12/2009	2	030309015272	Bùng Dưa					
123		Vũ Lê Quỳnh Trang	3	23/11/2012	2	030312007727	Bùng Dưa					
124		Vũ Việt Anh	3	04/01/2018	1	030218007145	Bùng Dưa					
125	50	Lưu Văn Phương	1	01/01/1963	1	030063000321	Bùng Dưa					
126		Nguyễn Thị Tòe	2	04/10/1961	2	030161000214	Bùng Dưa					
127	51	Phạm Văn Lai	1	01/01/1946	1	030046003801	An Bình	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
128		Nguyễn Thị Yên	2	01/01/1949	2	030149009308	An Bình	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
129	52	Phạm Thị Liễu	1	01/01/1946	2	030146008300	An Bình	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
130	53	Trần Thị Mỹ	1	01/01/1955	2	030155008812	An Bình					
131	54	Nguyễn Văn Báu	1	04/08/1958	1	030058006084	Xuân Mang					
132	55	Nguyễn Thị Ngân	2	21/04/1970	2	030170006297	Xuân Mang					
133		Trần Văn Khoa	3	04/03/2011	1	030211015112	Xuân Mang					
134		Trần Văn Hạnh	3	30/07/2001	1	030209010872	Xuân Mang					
135	56	Nguyễn Văn Núi	1	20/02/1982	1	030082019374	Phạm Xá 1					
136		Phạm Thị Hằng	2	13/11/1981	2	030181017783	Phạm Xá 1					
137		Nguyễn Thị Quỳnh Anh	3	20/7/2009	2	030309002251	Phạm Xá 1					
138		Nguyễn Thị Quỳnh Như	3	07/10/2010	2	030310012982	Phạm Xá 1					
139		Nguyễn Phạm Hoàng Anh	3	11/11/2016	2	030216017547	Phạm Xá 1					

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
140		Nguyễn Phạm Bình Minh	3	16/06/2018	2	030218013322	Phạm Xá 1					
141	57	Nguyễn Văn Hải	1	16/02/1949	1	030049002665	Phạm Xá 2	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
142		Nguyễn Thị Vân	2	01/01/1950	2	030150008469	Phạm Xá 2	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
143	58	Nguyễn Thị Liên	2	01/01/1966	1	030166007251	Phạm Xá 2					
144		Nguyễn Ngọc Phụng	3	14/09/1996	1	030096014604	Phạm Xá 2					
145	59	Nguyễn Đức Tiền	1	01/01/1935	1	030035000600	Vang Phan					
146		Phạm Thị Thát	2	01/01/1935	2	030135000751	Vang Phan					
147	60	Vũ Tiến Liêm	1	10/08/1953	1	030053001921	Cam Thượng					
148		Ngô Thị Hương	2	11/01/1961	2	030161001843	Cam Thượng					
149	61	Nguyễn Tiến Diên	1	03/08/1957	1	030057004063	Cam Thượng					
150		Lê Thị An	2	02/03/1957	2	030157003860	Cam Thượng					
151		Lê Thị Quỳnh Trang	5	14/08/2007	2	030307014937	Cam Thượng					
152	62	Nguyễn Tiến Đạt	1	06/12/1983	1	030083008548	Cam Thượng					
153		Nhữ Thị Hằng	2	13/10/1983	2	030183013007	Cam Thượng	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2
154		Nguyễn Hải Đăng	3	24/02/2013	1	030213021262	Cam Thượng					
155		Nguyễn Phương Linh	3	27/02/2015	2	030315003183	Cam Thượng					
156		Nguyễn Diễm My	3	01/07/2020	2	030320007285	Cam Thượng					
157	63	Nguyễn Văn Huyền	1	01/01/1936	1	030036005693	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
158		Nguyễn Thị Tâm	2	01/01/1939	2	030139004134	Cam Đông					
159	64	Đinh Thị Cánh	1	12/04/1950	2	030150001162	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2
160	65	Vũ Chính Lực	1	15/02/1985	1	030085024087	Cam Đông					
161		Vũ Chiến Thắng	3	12/08/2009	1	030209007752	Cam Đông	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 1 Điều 2

STT	STT hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
162	66	Vũ Văn Bút	1	14/04/1968	1	030068013354	Cam Đông					
163		Hứa Thị Minh	2	27/10/1973	2	030173011679	Cam Đông					
164		Vũ Đức Anh	3	23/6/2014	3	066214005469	Cam Đông					
165	67	Trần Văn Tiềm	1	01/09/1962	1	030062016571	Phương Khê					
166		Phạm Thị Xuân	2	07/02/1960	2	030160014179	Phương Khê					
167		Trần Văn Dương	3	09/04/1988	1	030088016302	Phương Khê					
168		Trần Văn Long	3	13/03/2000	1	030200009719	Phương Khê					

Từ tháng 01-04/2026 hưởng mức 1.050.000đ

chết

Bệnh dài ngày

bệnh dài ngày

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Bùi Thị Xuân Hồng	12/11/2007	2	030307009232	Quyết Tâm	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
2	Bùi Văn Tùng	27/05/2006	1	030206002110	Quyết Tâm	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
3	Bùi Thị Tuyền	06/05/1969	2	030169003428	Quyết Tâm	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
4	Tăng Thị Phương	04/08/1965	2	030165016390	Quyết Tâm	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
5	Bùi Thị Hiền	01/01/1954	2	030154002271	Quyết Tâm	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
6	Bùi Thị Lê	02/05/1953	2	030153003478	Quyết Tâm	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
7	Bùi Thị Nguyệt	19/06/1954	2	030154005583	Quyết Tâm	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
8	Bùi Thị Nhiên	01/01/1954	2	030154009226	Quyết Tâm	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
9	Bùi Thị Ứng	03/08/1956	2	030156011345	Quyết Tâm	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
10	Bùi Duy Nhung	30/05/1960	1	030060006502	Quyết Tâm	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2	
11	Vũ Thị Như Quỳnh	13/01/2009	2	030309005554	Quyết Tâm	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d khoản 2 Điều 2	
12	Bùi Ngọc Luyến	01/01/1962	1	030062001176	Quyết Tâm	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
13	Bùi Duy Ngung	01/01/1956	1	030056009238	Hợp Nhất	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	02/2026	Khoản 1 Điều 2	
14	Nguyễn Thị Thảo	27/09/1960	2	030160008923	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
15	Bùi Duy Dưỡng	12/07/1983	1	030083017885	Hợp Nhất	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
16	Bùi Thị Minh	19/05/1958	2	030158006911	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
17	Bùi Thị Đáng	01/07/1955	2	030155011900	Hợp Nhất	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
18	Lục Văn Thành	01/01/1983	1	022083006024	Hợp Nhất	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
19	Nguyễn Thị Phở	03/02/1958	2	030158016089	Hợp Nhất	Chăm sóc người KTĐBN	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

20	Bùi Đắc Điều	12/10/1969	1	030069010500	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
21	Nguyễn Thị Hoạt	13/12/1960	2	030160008660	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
22	Vũ Thành Đạt	06/09/2008	1	030208006735	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
23	Bùi Thị Sửu	07/09/1949	2	030149002607	Hợp Nhất	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
24	Bùi Thị Lờ	01/03/1955	2	030155010965	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
25	Bùi Thị Thẽ	20/10/1952	2	030152004361	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
26	Bùi Thị Cánh	03/03/1954	2	030154004796	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
27	Bùi Thị Cánh	14/02/1955	2	030155012905	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
28	Lê Thị Hòa	11/01/1956	2	030156002016	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
29	Bùi Thị Bồn	05/10/1959	2	030159006627	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
30	Bùi Thị Toán	07/01/1962	2	030162007950	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
31	Nguyễn Thị Tâm	05/09/1963	2	030163006464	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
32	Vũ Đình Đề	01/01/1959	1	030059013799	Minh Thành	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
33	Tăng Văn Tiến	17/12/1982	1	030082017369	Minh Thành	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
34	Bùi Trà My	14/07/2009	2	030309014155	Minh Thành	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
35	Bùi Thị Ngoãn	01/08/1947	2	030147001234	Minh Thành	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
36	Bùi Thị Lưu	07/05/1948	2	030148001680	Minh Thành	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
37	Bùi Thị Duyên	02/01/1947	2	030147001586	Minh Thành	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
38	Nguyễn Thị Lựu	20/02/1958	2	030158003474	Minh Thành	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
39	Nguyễn Quốc Thái	03/02/2008	1	030208008519	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
40	Nguyễn Đức Thao	30/08/1986	1	030086008633	Thanh Liên	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
41	Trần Yến Anh	20/05/2009	2	030309011838	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
42	Trần Hà Phương	27/02/2008	2	030308014712	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
43	Trần Bình Minh	25/02/2009	1	030209008191	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
44	Nguyễn Thị Thắm Tươi	04/05/2009	2	030309012586	Thanh Liên	Trẻ mồ côi, đủ 16 tuổi	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

45	Đặng Thị Loan	11/07/1984	2	030184019980	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
46	Nguyễn Đức Thái	28/02/2006	1	030206014980	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
47	Lê Văn Thiệp	10/10/1961	1	030061002213	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
48	Lê Thị Đỡ	20/11/1951	2	030151006257	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
49	Phạm Thị Tới	13/07/1958	2	030158009935	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
50	Nguyễn Thị Thủy	24/09/1957	2	030157007678	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
51	Nguyễn Thị Mỹ	23/07/1957	2	030157013369	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
52	Dương Thị Tinh	08/03/1954	2	030154015595	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
53	Phạm Thị Nghĩa	23/08/1949	2	030149009424	Thanh liên	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
54	Lâm Kiều Phúc	01/01/1971	1	030071017256	Thanh Liên	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
55	Lâm Xuân Quý	06/11/2000	1	030200003245	Thanh Liên	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
56	Bùi Thị Mùi	20/09/1960	2	030160013138	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
57	Đào Thị Lý	13/07/1958	2	030158016586	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
58	Vũ Thị Thiêm	19/08/1974	1	030174004506	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
59	Đào Thị Bình	26/10/1956	2	030156000740	Lai Khê	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
60	Nguyễn Thị Mơ	02/03/2008	2	030308009389	Lai khô	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
61	Nguyễn Thị Vờ	20/12/1947	2	030147004596	Lai khô	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
62	Nguyễn Thị Đến	10/04/1939	2	030139006593	Lai khô	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
63	Bùi Quang Hạ	17/02/1946	1	030046000331	Lai khô	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
64	Bùi Thị Loan	12/07/1954	2	030154001191	Lai khô	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
65	Đào Thị Lương	05/08/1960	2	030160000567	Lai khô	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
66	Trần Trọng Tiến	12/11/1973	1	030073011757	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2	
67	Bùi Thị Mão	05/05/1966	2	030166005685	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	05/2026	Khoản 1 Điều 2	
68	Nguyễn Thị Hồng	31/10/1969	2	030169015668	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
69	Phạm Thị Thom	15/08/1961	2	030161013263	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	

70	Nguyễn Thị Hiền	04/02/1955	2	030155004038	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
71	Lưu Thị Lý	02/12/1960	2	030160003292	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
72	Lưu Thị Mĩ	01/04/1964	2	030164012108	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
73	Lưu Thị Khanh	06/03/1962	2	030162003416	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
74	Lương Thị Hoài	30/10/1968	2	030168000735	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
75	Nguyễn Thị Lân	02/06/1949	2	030149004101	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
76	Đoàn Hữu Ly	01/01/1961	1	030061012067	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
77	Đoàn Lê Việt Anh	05/09/2009	1	030209008393	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
78	Nguyễn Văn Thịnh	09/03/1984	1	030084021329	Tường vu	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
79	Đỗ Thị Diên	23/08/1969	2	030169004867	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
80	Bùi Thị Hường	10/10/1945	2	030145000373	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
81	Trịnh Đức Quyết	03/10/1980	1	030080018159	Tường vu	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
82	Nguyễn Thị Hiền	03/02/1961	2	030161012208	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
83	Nguyễn Thị Hiền	22/12/1964	2	030164016435	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
84	Nguyễn Thị Xa	03/02/1934	2	030134006275	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
85	Đoàn Thị Quân	15/06/1966	2	030166014976	Tường vu	0	0	1,500,000	06/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
86	Đoàn Thị Phụng	20/04/1964	2	030164017992	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
87	Nguyễn Văn Phúc	21/04/2008	1	030208010652	Tường vu	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d khoản 2 Điều 2	
88	Nguyễn Thị Diệu	05/06/1954	2	030154000349	Giữa	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
89	Nguyễn Xuân Mai	19/12/2007	2	030307006587	Giữa	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
90	Nguyễn Thị Thuyết	20/10/1963	2	030163010688	Giữa	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
91	Nguyễn Quý Thành	18/03/1958	1	030058013392	Giữa	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
92	Đặng Thị Kè	01/01/1965	2	030165005831	Giữa	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
93	Nguyễn Văn Ái	30/12/1954	1	030054003918	Giữa	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
94	Tạ Thị Nghít	01/05/1955	2	030155002893	Giữa	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

95	Nguyễn Thị Ngọc Linh	09/05/2006	2	030306011616	Giữa	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
96	Nguyễn Thị Lam Anh	08/06/2009	2	030309000192	Giữa	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
97	Nguyễn Thị Rìu	01/01/1936	2	030136006058	Giữa	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
98	Trần Thị Thanh	13/08/1960	2	030160003923	Đông	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
99	Nguyễn Công Bằng	10/06/1955	1	030055002464	Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
100	Phạm Thị Hoa	15/03/1960	2	030160001385	Đông	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
101	Bùi Thị Hoa	11/10/1989	2	030189019294	Đông	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
102	Nguyễn Danh Quỳnh	25/01/1955	1	030055011353	Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
103	Vũ Thị Hà	02/03/1957	2	030157012799	Đông	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
104	Trần Công Trán	20/11/1946	1	030046007251	Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
105	Hoàng Văn Chinh	01/01/1956	1	030056004104	Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
106	Dương Thị So	20/08/1953	2	030153011396	Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000		Khoản 1 Điều 2	
107	Nguyễn Danh Chúc	01/03/1956	1	030056014123	Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	03/2026	Khoản 1 Điều 2	
108	Hoàng Thị Chuyền	15/03/1957	2	030157002959	Đông	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
109	Trần Thị An	01/02/1952	1	030152014546	Đông	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
110	Nguyễn Đạt Cù	14/02/1948	1	030048004974	Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
111	Trần Thị Gái	01/01/1950	2	030150014924	Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
112	Nguyễn Thị Sót	02/06/1954	2	030154004125	Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
113	Trần Công Tuấn	12/08/2008	1	030208008259	Đông	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
114	Trần Công Sơn	30/06/2010	1	030210013350	Đông	0	0	1,500,000	06/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
115	Bùi Thị Khánh	01/01/1941	2	040141008298	Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
116	Nguyễn Thị Khánh Huyền	01/02/2007	2	030307008789	Đông	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
117	Nguyễn Thế Hoàng	28/04/2009	1	030209004856	Bắc	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
118	Đặng Bảo Ngọc	27/11/2009	2	030309000323	Bắc	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
119	Phạm Thị Lan	02/07/1986	2	030186009204	Bắc	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
120	Nguyễn Văn Liệu	16/01/1950	1	030050002662	Bắc	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

121	Nguyễn Thị Nhanh	01/01/1962	2	030162006579	Bắc	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
122	Nguyễn Thị Hòa	01/01/1957	2	030157003082	Bắc	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
123	Đào Thị Mếch	01/01/1947	1	030147004567	Bắc	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
124	Nguyễn Thị Thu	01/01/1959	2	030159013765	Bắc	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
125	Nguyễn Danh Tới	11/10/1961	1	030061001685	Bắc	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
126	Nguyễn Thị Thu	02/12/1963	2	030163003558	Bắc	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
127	Nguyễn Thị Chi	05/08/1956	2	030156014316	Bắc	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
128	Vũ Thị Hải	01/01/1975	2	030175026914	Vũ Xá	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
129	Đoàn Văn Trường	05/11/1989	1	030089023800	Vũ Xá	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
130	Đoàn Văn Sơn	14/01/1997	1	030097015797	Vũ Xá	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
131	Bùi Thu Trang	06/02/2005	2	030305013801	Vũ Xá	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
132	Phạm Dương Anh	25/03/2009	1	030209017552	Vũ Xá	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
133	Từ Lê Hà Linh	09/06/2010	2	030310014864	Vũ Xá	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
134	Vũ Thị Gái	20/05/1962	2	030162017560	Vũ Xá	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
135	Vũ Đình Quân	16/09/2009	1	030209000717	Vũ Xá	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
136	Phạm Văn Phong	03/02/2009	1	030209017845	Vũ Xá	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
137	Lê Thị Bồn	10/10/1955	2	030155009829	Vũ Xá	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
138	Đặng Thị Nga	01/01/1950	2	030150000586	Vũ Xá	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
139	Lê Thị Trăm	14/06/1960	2	030160002541	Vũ Xá	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
140	Tạ Thị Dung	09/12/1963	2	030163013425	Vũ Xá	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
141	Nguyễn Đình Liên	01/01/1956	2	030056009237	Thượng Đố 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
142	Lê Thị Mến	22/03/1953	1	030153004248	Thượng Đố 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
143	Nguyễn Thị Hậu	22/11/1968	2	030168003612	Thượng Đố 1	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
144	Lê Thị Nhân	08/02/1963	2	030163019020	Thượng Đố 1	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
145	Hoàng Thị Thăng	25/06/1952	2	030152006932	Thượng Đố 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
146	Nguyễn Hữu Được	02/09/1975	1	030075014674	Thượng Đố 1	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

147	Hoàng Thị Quế	23/01/1961	2	030161008430	Thượng Đỗ 1	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
148	Nguyễn Tiến Minh	25/12/1949	1	001049013111	Thượng Đỗ 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
149	Nguyễn Thị Hồng	31/01/1955	2	030155011154	Thượng Đỗ 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
150	Nguyễn Thị Hồng	15/10/1965	2	030165017986	Thượng Đỗ 1	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
151	Trần Thị Bàng	02/11/1944	2	030144000587	Thượng Đỗ 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
152	Nguyễn Thị Lược	01/01/1955	1	030155012812	Thượng Đỗ 1	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
153	Nguyễn Thị Hằng	01/10/1956	1	030156016728	Thượng Đỗ 1	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
154	Bùi Thị Phạm	15/02/1938	2	030138009863	Thượng Đỗ 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
155	Bùi Thị Hạnh	01/01/1947	2	030147009802	Thượng Đỗ 1	Thanh niên XP	1,000,000	500,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
156	Hoàng Thị Liên	03/06/1954	2	030154011162	Thượng Đỗ 1	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
157	Tạ Thị Thắng	05/07/1952	2	030152013429	Thượng Đỗ 1	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
158	Tạ Thị Mai Phương	29/09/2001	2	030301012939	Thượng Đỗ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
159	Vũ Văn Thịnh	08/03/1978	1	030078002831	Thượng Đỗ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
160	Tô Minh Vũ	16/06/2005	1	030205003158	Thượng Đỗ 2	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
161	Tô Minh Tuấn	06/08/2009	1	030209010341	Thượng Đỗ 2	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
162	Đặng Văn Trường	11/11/2001	1	030201014723	Thượng Đỗ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
163	Bùi Thị Hoa	25/03/1983	2	030183011172	Thượng Đỗ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2	
164	Nguyễn Thị Hệ	03/10/1954	2	030154015124	Thượng Đỗ 2	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
165	Nguyễn Thị Uôn	17/10/1954	2	030154004508	Thượng Đỗ 2	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
166	Trần Thị Tuy	18/05/1958	2	030158017312	Thượng Đỗ 2	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
167	Nguyễn Văn Hiền	01/01/1974	1	030074008270	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
168	Nguyễn Đức Tạc	20/08/1983	1	030083011275	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
169	Nguyễn Thị Huyền	05/07/2005	2	030305007557	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
170	Nguyễn Thị Huyền Trang	27/11/2006	2	030306008105	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
171	Lê Thùy Nhiên	27/03/2009	2	030309015771	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	

172	Nguyễn Văn Sửu	03/05/1970	1	030070004661	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
173	Nguyễn Văn Vân	01/01/1954	1	030054015601	Thắng Yên	Hưu trí xã hội	700,000	800,000		Khoản 1 Điều 2	
174	Nguyễn Thị Lá	18/03/1961	2	030161011534	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
175	Nguyễn Thị Tranh	18/06/1960	2	030160004540	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
176	Nguyễn Thị Thân	15/01/1960	2	030160020793	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
177	Nguyễn Thị Hợi	09/11/1959	2	030159016407	Thắng Yên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
178	Nguyễn Ngọc Anh	10/01/1993	2	030193003094	Thắng Yên	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
179	Đỗ Văn Viên	03/02/1967	1	030067010654	Thắng Yên	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
180	Nguyễn Thị Chung	23/06/1962	2	030162003119	Thắng Yên	Tuất BHXH hàng tháng	1,170,000	330,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
181	Nguyễn Lê Thảo Vy	21/03/2010	2	030310008488	Thắng Yên	0	0		01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
182	Phạm Thị Hạnh	24/05/1951	2	030151000891	Bộ Hồ	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
183	Hoàng Văn Luyện	17/02/1985	1	030085009258	Bộ Hồ	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000		Khoản 1 Điều 2	
184	Ninh Xuân Chiến	08/07/1959	1	030059004529	Bộ Hồ	0	0		01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
185	Phạm Quốc Dược	23/05/2006	1	030206010699	Bộ Hồ	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
186	Vũ Thị Ngọc	22/04/1964	2	030164003145	Bùng Dưa	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
187	Vũ Thị Thự	03/08/1954	2	030154009495	Bùng Dưa	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
188	Phạm Thị Hiền	01/01/1949	2	030149001840	Bùng Dưa	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
189	Vũ Thị Thuyến	01/01/1981	2	030181006778	Bùng Dưa	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
190	Phạm Thị Phi	04/03/1948	2	030148001490	Bùng Dưa	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
191	Phạm Thị Khê	01/01/1949	2	030149007013	An Bình	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
192	Trịnh Thị Hòa	18/11/1977	2	030177013317	An Bình	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
193	Trịnh Văn Tuấn	01/01/1981	1	030081020010	An Bình	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
194	Phạm Văn Lai	01/01/1946	1	030046003801	An Bình	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
195	Nguyễn Thị Yến	01/01/1949	2	030149009308	An Bình	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
196	Phạm Thị Liệu	01/01/1946	2	030146008300	An Bình	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
197	Nguyễn Văn Mọc	08/04/1954	1	030054001328	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

198	Nguyễn Thị Ư	01/01/1954	2	030154004310	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
199	Vũ Văn Sức	01/01/1947	1	030047007406	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
200	Võ Văn Minh	23/10/1991	1	030091017125	Xuân Mang	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
201	Nguyễn Thị Nhuận	01/01/1952	2	030152011830	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
202	Trần Thị Chàn	01/01/1954	2	030154016965	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
203	Nguyễn Thị Huệ	18/05/1965	2	030165011264	Xuân Mang	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2	
204	Nguyễn Văn Chi	01/01/1941	1	030041002509	Xuân Mang	Hưu trí xã hội, chăm sóc KTĐBN	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
205	Vũ Thị De	01/01/1951	2	030151000209	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
206	Nguyễn Thị Liên	01/01/1975	2	030175026926	Xuân Mang	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
207	Nguyễn Thị Phen	01/01/1949	2	030149006852	Xuân Mang	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
208	Võ Thị Thay	05/05/1960	2	030160014586	Xuân Mang	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2	
209	Vũ Thị Xa	01/01/1930	2	030130002229	Phạm Xá 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
210	Nguyễn Thị Gái	01/01/1928	2	030128001509	Phạm Xá 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
211	Cao Thị Hoa	01/01/1930	2	030130005746	Phạm Xá 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
212	Nguyễn Thị Chiêu	27/09/1946	2	030146001655	Phạm Xá 1	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
213	Vũ Huy Tôn	01/08/1965	1	030065007716	Phạm Xá 2	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2	
214	Nguyễn Thị Lan	06/12/1968	2	030168004101	Phạm Xá 2	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2	
215	Nguyễn Thị Khoai	01/01/1952	2	030152013420	Phạm Xá 2	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
216	Nguyễn Thị Hiền	01/01/1953	2	030153010724	Phạm Xá 2	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
217	Nguyễn Thị Hiệt	30/10/1953	2	030153004245	Phạm Xá 2	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
218	Nguyễn Ngọc Cù	01/02/1960	1	030060018869	Phạm Xá 2	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
219	Nguyễn Thị Bé	01/01/1957	2	030157003783	Phạm Xá 2	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
220	Nguyễn Thị Tý	01/01/1959	2	030159009788	Phạm Xá 2	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
221	Phạm Thị Quy	10/09/1958	2	030158008535	Phạm Xá 2	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
222	Tiêu Thị Thắm	12/02/1962	2	030162008297	Phạm Xá 2	Chăm sóc người KTĐBN	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

223	Tiêu Thị Trang	03/10/1998	2	030198005369	Phạm Xá 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
224	Nguyễn Văn Hải	16/02/1949	1	030049002665	Phạm Xá 2	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
225	Nguyễn Thị Vân	01/01/1950	2	030150008469	Phạm Xá 2	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
226	Nguyễn Thị Phô	01/01/1935	2	030135000787	Vang Phan	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
227	Phạm Thị Mơ	20/04/1950	2	030150004882	Vang Phan	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
228	Lê Thị Bé	01/01/1961	2	030161005755	Vang Phan	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
229	Phạm Thị Mềm	01/05/1955	2	030155003047	Vang Phan	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
230	Nguyễn Thị Vê	01/01/1962	2	030162019693	Vang Phan	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
231	Phạm Thị Sáu	01/01/1946	2	030146001709	Vang Phan	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
232	Nguyễn Đức Tiền	01/01/1935	1	030035000600	Vang Phan	Tuất BHXH hàng tháng	1,170,000	330,000		Khoản 1 Điều 2	
233	Phạm Thị Thất	01/01/1935	2	030135000751	Vang Phan	Tuất BHXH hàng tháng	1,170,000	330,000		Khoản 1 Điều 2	
234	Nguyễn Thị Duyên	25/08/1952	2	030152001432	Cam Thượng	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
235	Nguyễn Thị Vây	01/01/1956	2	030156010565	Cam Thượng	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
236	Vũ Văn Chưởng	02/01/1932	1	030032005003	Cam Thượng	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
237	Vũ Thị Thanh	11/06/1937	2	030137003830	Cam Thượng	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
238	Nhữ Thị Hằng	13/10/1983	2	030183013007	Cam Thượng	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
239	Nguyễn Thị Sào	07/08/1953	2	030153001920	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
240	Ngô Văn Hạ	01/01/1955	1	030055005457	Cam Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
241	Nguyễn Thị Lụa	01/01/1954	2	030154011177	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
242	Nguyễn Văn Quân	27/01/1988	1	030088000351	Cam Đông	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
243	Vũ Thị Soạn	01/01/1941	2	030141007201	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
244	Nguyễn Thị Nhỡ	10/07/1950	2	030150004123	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
245	Phạm Thị Then	06/01/1959	2	030159000939	Cam Đông	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
246	Nguyễn Văn Huyền	01/01/1936	1	030036005693	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

247	Đinh Thị Cánh	12/04/1950	2	030150001162	Cam Đông	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
248	Vũ Chiến Thắng	12/08/2009	1	030209007752	Cam Đông	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 1 Điều 2	
249	Trần Thị Thanh	16/02/1954	2	030154003236	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
250	Nguyễn Thị Lữ	20/03/1947	2	030147000179	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
251	Nguyễn Thị Hơ	28/02/1937	2	030137004251	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
252	Trần Thị Cạnh	01/01/1929	2	30129001902	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
253	Phạm Thị Chiêm	10/12/1946	2	030146007752	Phương Khê	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT (

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Phạm Thị Hạnh	24/05/1951	2	030151000891	Bộ Hồ	0	0
2	Hoàng Văn Luyện	17/02/1985	1	030085009258	Bộ Hồ	Khuyết tật nặng	1,050,000
3	Ninh Xuân Chiến	08/07/1959	1	030059004529	Bộ Hồ	0	0
4	Phạm Quốc Dược	23/05/2006	1	030206010699	Bộ Hồ	0	0

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO

04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
450,000		Khoản 1 Điều 2	
	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	

Bệnh dài ngày



DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT (

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nguyễn Đình Liên	01/01/1956	2	030056009237	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000
2	Lê Thị Mến	22/03/1953	1	030153004248	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000
3	Nguyễn Thị Hậu	22/11/1968	2	030168003612	Thượng Đổ 1	0	0
4	Lê Thị Nhân	08/02/1963	2	030163019020	Thượng Đổ 1	0	0
5	Hoàng Thị Thắng	25/06/1952	2	030152006932	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000
6	Nguyễn Hữu Được	02/09/1975	1	030075014674	Thượng Đổ 1	Khuyết tật nặng	1,050,000
7	Hoàng Thị Quế	23/01/1961	2	030161008430	Thượng Đổ 1	0	0
8	Nguyễn Tiến Minh	25/12/1949	1	001049013111	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000
9	Nguyễn Thị Hồng	31/01/1955	2	030155011154	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000
10	Nguyễn Thị Hồng	15/10/1965	2	030165017986	Thượng Đổ 1	0	0
11	Trần Thị Băng	02/11/1944	2	030144000587	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000
12	Nguyễn Thị Lược	01/01/1955	1	030155012812	Thượng Đổ 1	0	0
13	Nguyễn Thị Hằng	01/10/1956	1	030156016728	Thượng Đổ 1	0	0
14	Bùi Thị Phàm	15/02/1938	2	030138009863	Thượng Đổ 1	Hưu trí xã hội	700,000
15	Bùi Thị Hạnh	01/01/1947	2	030147009802	Thượng Đổ 1	Thanh niên XP	1,000,000
16	Hoàng Thị Liên	03/06/1954	2	030154011162	Thượng Đổ 1	0	0
17	Tạ Thị Thắng	05/07/1952	2	030152013429	Thượng Đổ 1	0	0

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO
04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
500,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT (

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tạ Thị Mai Phương	29/09/2001	2	030301012939	Thượng Đổ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000
2	Vũ Văn Thịnh	08/03/1978	1	030078002831	Thượng Đổ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000
3	Tô Minh Vũ	16/06/2005	1	030205003158	Thượng Đổ 2	Khuyết tật nặng	1,050,000
4	Tô Minh Tuấn	06/08/2009	1	030209010341	Thượng Đổ 2	0	0
5	Đặng Văn Trường	11/11/2001	1	030201014723	Thượng Đổ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000
6	Bùi Thị Hoa	25/03/1983	2	030183011172	Thượng Đổ 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000
7	Nguyễn Thị Hệ	03/10/1954	2	030154015124	Thượng Đổ 2	0	0
8	Nguyễn Thị Uôn	17/10/1954	2	030154004508	Thượng Đổ 2	0	0
9	Trần Thị Tuy	18/05/1958	2	030158017312	Thượng Đổ 2	0	0

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO

04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT (

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nguyễn Văn Hiền	01/01/1974	1	030074008270	Thắng Yên	0	0
2	Nguyễn Đức Tạc	20/08/1983	1	030083011275	Thắng Yên	0	0
3	Nguyễn Thị Huyền	05/07/2005	2	030305007557	Thắng Yên	0	0
4	Nguyễn Thị Huyền Trang	27/11/2006	2	030306008105	Thắng Yên	0	0
5	Lê Thùy Nhiên	27/03/2009	2	030309015771	Thắng Yên	0	0
6	Nguyễn Văn Sứ	03/05/1970	1	030070004661	Thắng Yên	0	0
7	Nguyễn Văn Vân	01/01/1954	1	030054015601	Thắng Yên	Hưu trí xã hội	700,000
8	Nguyễn Thị Lá	18/03/1961	2	030161011534	Thắng Yên	0	0
9	Nguyễn Thị Tranh	18/06/1960	2	030160004540	Thắng Yên	0	0
10	Nguyễn Thị Thân	15/01/1960	2	030160020793	Thắng Yên	0	0
11	Nguyễn Thị Hợi	09/11/1959	2	030159016407	Thắng Yên	0	0
12	Nguyễn Ngọc Anh	10/01/1993	2	030193003094	Thắng Yên	Khuyết tật nặng	1,050,000
13	Đỗ Văn Viễn	03/02/1967	1	030067010654	Thắng Yên	Khuyết tật nặng	1,050,000
14	Nguyễn Thị Chung	23/06/1962	2	030162003119	Thắng Yên	Tuất BHXH hàng tháng	1,170,000
15	Nguyễn Lê Thảo Vy	21/03/2010	2	030310008488	Thắng Yên	0	0

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO

04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	Bệnh dài ngày
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	Bệnh dài ngày
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	Bệnh dài ngày
800,000		Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
330,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Bùi Thị Mão	05/05/1966	2	030166005685	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,400,000
2	Nguyễn Thị Hồng	31/10/1969	2	030169015668	Tường vu	0	0
3	Phạm Thị Thơm	15/08/1961	2	030161013263	Tường vu	0	0
4	Nguyễn Thị Hiền	04/02/1955	2	030155004038	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000
5	Lưu Thị Lý	02/12/1960	2	030160003292	Tường vu	0	0
6	Lưu Thị Mì	01/04/1964	2	030164012108	Tường vu	0	0
7	Lưu Thị Khanh	06/03/1962	2	030162003416	Tường vu	0	0
8	Lương Thị Hoài	30/10/1968	2	030168000735	Tường vu	0	0
9	Nguyễn Thị Làn	02/06/1949	2	030149004101	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000
10	Đoàn Hữu Ly	01/01/1961	1	030061012067	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,400,000
11	Đoàn Lê Việt Anh	05/09/2009	1	030209008393	Tường vu	0	0
12	Nguyễn Văn Thịnh	09/03/1984	1	030084021329	Tường vu	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000
13	Đỗ Thị Diên	23/08/1969	2	030169004867	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,050,000
14	Bùi Thị Hường	10/10/1945	2	030145000373	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000
15	Trịnh Đức Quyết	03/10/1980	1	030080018159	Tường vu	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000
16	Nguyễn Thị Hiền	03/02/1961	2	030161012208	Tường vu	0	0
17	Nguyễn Thị Hiền	22/12/1964	2	030164016435	Tường vu	0	0
18	Nguyễn Thị Xa	03/02/1934	2	030134006275	Tường vu	Hưu trí xã hội	700,000
19	Đoàn Thị Quân	15/06/1966	2	030166014976	Tường vu	0	0
20	Đoàn Thị Phượng	20/04/1964	2	030164017992	Tường vu	Khuyết tật nặng	1,400,000
21	Nguyễn Văn Phúc	21/04/2008	1	030208010652	Tường vu	0	0

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO
04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
100,000	05/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	06/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d khoản 2 Điều 2	

Từ tháng 01-04/2026 hưởng
mức 1.050.000đ
Bệnh dài ngày
Bệnh dài ngày

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT (

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
88	Nguyễn Thị Diệu	05/06/1954	2	030154000349	Giữa	Hưu trí xã hội	700,000
89	Nguyễn Xuân Mai	19/12/2007	2	030307006587	Giữa	0	0
90	Nguyễn Thị Thuyết	20/10/1963	2	030163010688	Giữa	0	0
91	Nguyễn Quý Thành	18/03/1958	1	030058013392	Giữa	0	0
92	Đặng Thị Kè	01/01/1965	2	030165005831	Giữa	0	0
93	Nguyễn Văn Ái	30/12/1954	1	030054003918	Giữa	Hưu trí xã hội	700,000
94	Tạ Thị Nghít	01/05/1955	2	030155002893	Giữa	Khuyết tật nặng	1,400,000
95	Nguyễn Thị Ngọc Linh	09/05/2006	2	030306011616	Giữa	0	0
96	Nguyễn Thị Lam Anh	08/06/2009	2	030309000192	Giữa	0	0
97	Nguyễn Thị Rìu	01/01/1936	2	030136006058	Giữa	Khuyết tật nặng	1,400,000

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO

04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

Bệnh dài ngày
Bệnh dài ngày
Bệnh dài ngày

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trần Thị Thanh	13/08/1960	2	030160003923	Đông	0	0
2	Nguyễn Công Bằng	10/06/1955	1	030055002464	Đông	Hưu trí xã hội	700,000
3	Phạm Thị Hoa	15/03/1960	2	030160001385	Đông	0	0
4	Bùi Thị Hoa	11/10/1989	2	030189019294	Đông	Khuyết tật nặng	1,050,000
5	Nguyễn Danh Quỳnh	25/01/1955	1	030055011353	Đông	Hưu trí xã hội	700,000
6	Vũ Thị Hà	02/03/1957	2	030157012799	Đông	0	0
7	Trần Công Trán	20/11/1946	1	030046007251	Đông	Hưu trí xã hội	700,000
8	Hoàng Văn Chính	01/01/1956	1	030056004104	Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000
9	Dương Thị So	20/08/1953	2	030153011396	Đông	Hưu trí xã hội	700,000
10	Nguyễn Danh Chúc	01/03/1956	1	030056014123	Đông	Hưu trí xã hội	700,000
11	Hoàng Thị Chuyền	15/03/1957	2	030157002959	Đông	0	0
12	Trần Thị An	01/02/1952	1	030152014546	Đông	0	0
13	Nguyễn Đạt Cù	14/02/1948	1	030048004974	Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000
14	Trần Thị Gái	01/01/1950	2	030150014924	Đông	Hưu trí xã hội	700,000
15	Nguyễn Thị Sót	02/06/1954	2	030154004125	Đông	Khuyết tật nặng	1,400,000
16	Trần Công Tuấn	12/08/2008	1	030208008259	Đông	0	0
17	Trần Công Sơn	30/06/2010	1	030210013350	Đông	0	0
18	Bùi Thị Khánh	01/01/1941	2	040141008298	Đông	Hưu trí xã hội	700,000
19	Nguyễn Thị Khánh Huyền	01/02/2007	2	030307008789	Đông	0	0

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO

04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	Bệnh dài ngày
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	Bệnh dài ngày
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	Bệnh dài ngày
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
800,000		Khoản 1 Điều 2	BS QĐ để xem thời gian hưởng
800,000	03/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	Bệnh dài ngày
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	Bệnh dài ngày
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	06/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT (

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
Bắc	Nguyễn Thế Hoàng	28/04/2009	1	030209004856	Bắc	0	0
118	Đặng Bảo Ngọc	27/11/2009	2	030309000323	Bắc	0	0
119	Phạm Thị Lan	02/07/1986	2	030186009204	Bắc	0	0
120	Nguyễn Văn Liệu	16/01/1950	1	030050002662	Bắc	Hưu trí xã hội	700,000
121	Nguyễn Thị Nhanh	01/01/1962	2	030162006579	Bắc	0	0
122	Nguyễn Thị Hòa	01/01/1957	2	030157003082	Bắc	0	0
123	Đào Thị Mếch	01/01/1947	1	030147004567	Bắc	Khuyết tật nặng	1,400,000
124	Nguyễn Thị Thư	01/01/1959	2	030159013765	Bắc	0	0
125	Nguyễn Danh Tới	11/10/1961	1	030061001685	Bắc	0	0
126	Nguyễn Thị Thư	02/12/1963	2	030163003558	Bắc	0	0
127	Nguyễn Thị Chi	05/08/1956	2	030156014316	Bắc	Khuyết tật nặng	1,400,000
128	Nguyễn Thị Chính	01/01/1944	2	030144007116	Bắc	Hưu trí xã hội	700,000

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO
04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT (

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Vũ Thị Hải	01/01/1975	2	030175026914	Vũ Xá	0	0
2	Đoàn Văn Trường	05/11/1989	1	030089023800	Vũ Xá	Khuyết tật nặng	1,050,000
3	Đoàn Văn Sơn	14/01/1997	1	030097015797	Vũ Xá	Khuyết tật nặng	1,050,000
4	Bùi Thu Trang	06/02/2005	2	030305013801	Vũ Xá	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000
5	Phạm Dương Anh	25/03/2009	1	030209017552	Vũ Xá	0	0
6	Từ Lê Hà Linh	09/06/2010	2	030310014864	Vũ Xá	0	0
7	Vũ Thị Gái	20/05/1962	2	030162017560	Vũ Xá	0	0
8	Vũ Đình Quân	16/09/2009	1	030209000717	Vũ Xá	0	0
9	Phạm Văn Phong	03/02/2009	1	030209017845	Vũ Xá	0	0
10	Lê Thị Bồn	10/10/1955	2	030155009829	Vũ Xá	0	0
11	Đặng Thị Nga	01/01/1950	2	030150000586	Vũ Xá	Hưu trí xã hội	700,000
12	Lê Thị Trăm	14/06/1960	2	030160002541	Vũ Xá	0	0
13	Tạ Thị Duyệt	09/12/1963	2	030163013425	Vũ Xá	0	0

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO
04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT (

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Bùi Thị Xuân Hồng	12/11/2007	2	030307009232	Quyết Tâm	Khuyết tật nặng	1,050,000
2	Bùi Văn Tùng	27/05/2006	1	030206002110	Quyết Tâm	Khuyết tật nặng	1,050,000
3	Bùi Thị Tuyền	06/05/1969	2	030169003428	Quyết Tâm	0	0
4	Tăng Thị Phương	04/08/1965	2	030165016390	Quyết Tâm	0	0
5	Bùi Thị Hiền	01/01/1954	2	030154002271	Quyết Tâm	Hưu trí xã hội	700,000
6	Bùi Thị Lê	02/05/1953	2	030153003478	Quyết Tâm	Hưu trí xã hội	700,000
7	Bùi Thị Nguyệt	19/06/1954	2	030154005583	Quyết Tâm	0	0
8	Bùi Thị Nhiên	01/01/1954	2	030154009226	Quyết Tâm	0	0
9	Bùi Thị Ứng	03/08/1956	2	030156011345	Quyết Tâm	0	0
10	Bùi Duy Nhưng	30/05/1960	1	030060006502	Quyết Tâm	0	0
11	Vũ Thị Như Quỳnh	13/01/2009	2	030309005554	Quyết Tâm	0	0
12	Bùi Ngọc Luyến	01/01/1962	1	030062001176	Quyết Tâm	Khuyết tật nặng	1,400,000

NGHÈO, THOÁT CẶN NGHÈO
04/2026/NQ-HĐND

Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
9	10	11	
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm đ khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2	
1,500,000	01/2026	Điểm d khoản 2 Điều 2	
100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

Bệnh dài ngày
Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Bùi Duy Ngung	01/01/1956	1	030056009238	Hợp Nhất	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	02/2026	Khoản 1 Điều 2	
2	Nguyễn Thị Thảo	27/09/1960	2	030160008923	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
3	Bùi Duy Dưỡng	12/07/1983	1	030083017885	Hợp Nhất	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
4	Bùi Thị Minh	19/05/1958	2	030158006911	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
5	Bùi Thị Đáng	01/07/1955	2	030155011900	Hợp Nhất	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
6	Lục Văn Thành	01/01/1983	1	022083006024	Hợp Nhất	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
7	Nguyễn Thị Phở	03/02/1958	2	030158016089	Hợp Nhất	Chăm sóc người KTĐBN	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
8	Bùi Đắc Điều	12/10/1969	1	030069010500	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
9	Nguyễn Thị Hoạt	13/12/1960	2	030160008660	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
10	Vũ Thành Đạt	06/09/2008	1	030208006735	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
11	Bùi Thị Sửu	07/09/1949	2	030149002607	Hợp Nhất	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
12	Bùi Thị Lòi	01/03/1955	2	030155010965	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
13	Bùi Thị Thê	20/10/1952	2	030152004361	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
14	Bùi Thị Cảnh	03/03/1954	2	030154004796	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
15	Bùi Thị Cảnh	14/02/1955	2	030155012905	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
16	Lê Thị Hòa	11/01/1956	2	030156002016	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
17	Bùi Thị Bồn	05/10/1959	2	030159006627	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
18	Bùi Thị Toán	07/01/1962	2	030162007950	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
19	Nguyễn Thị Tâm	05/09/1963	2	030163006464	Hợp Nhất	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Nguyễn Quốc Thái	03/02/2008	1	030208008519	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
2	Nguyễn Đức Thao	30/08/1986	1	030086008633	Thanh Liên	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
3	Trần Yến Anh	20/05/2009	2	030309011838	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
4	Trần Hà Phương	27/02/2008	2	030308014712	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
5	Trần Bình Minh	25/02/2009	1	030209008191	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
6	Nguyễn Thị Thắm Tươi	04/05/2009	2	030309012586	Thanh Liên	Trẻ mồ côi, đủ 16 tuổi	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
7	Đặng Thị Loan	11/07/1984	2	030184019980	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
8	Nguyễn Đức Thái	28/02/2006	1	030206014980	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
9	Lê Văn Thiệp	10/10/1961	1	030061002213	Thanh Liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
10	Lê Thị Đỡ	20/11/1951	2	030151006257	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
11	Phạm Thị Tới	13/07/1958	2	030158009935	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
12	Nguyễn Thị Thủy	24/09/1957	2	030157007678	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
13	Nguyễn Thị Mỹ	23/07/1957	2	030157013369	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
14	Dương Thị Tình	08/03/1954	2	030154015595	Thanh liên	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
15	Phạm Thị Nghĩa	23/08/1949	2	030149009424	Thanh liên	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
16	Lâm Kiều Phúc	01/01/1971	1	030071017256	Thanh Liên	Khuyết tật đặc biệt nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
17	Lâm Xuân Quý	06/11/2000	1	030200003245	Thanh Liên	Khuyết tật nặng	1,050,000	450,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Bùi Thị Mùi	20/09/1960	2	030160013138	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
2	Đào Thị Lý	13/07/1958	2	030158016586	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
3	Vũ Thị Thiêm	19/08/1974	1	030174004506	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	
4	Đào Thị Bình	26/10/1956	2	030156000740	Lai Khê	Khuyết tật nặng	1,400,000	100,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
5	Nguyễn Thị Mơ	02/03/2008	2	030308009389	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
6	Nguyễn Thị Vở	20/12/1947	2	030147004596	Lai Khê	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
7	Nguyễn Thị Đến	10/04/1939	2	030139006593	Lai Khê	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
8	Bùi Quang Hạ	17/02/1946	1	030046000331	Lai Khê	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
9	Bùi Thị Loan	12/07/1954	2	030154001191	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
10	Đào Thị Lương	05/08/1960	2	030160000567	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
11	Trần Trọng Tiến	12/11/1973	1	030073011757	Lai Khê	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b khoản 2 Điều 2	

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

Bệnh dài ngày

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO
NĂM 2025 ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND

STT	Họ và tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Thôn	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Mức trợ cấp đang hưởng (đồng)	Mức hỗ trợ theo NQ 04 (đồng)	Hưởng từ tháng/ năm	Đối tượng theo NQ 04	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Vũ Đình Đề	01/01/1959	1	030059013799	Minh Thành	0	0		01/2026	Điểm đ Khoản 2 Điều 2	
2	Tăng Văn Tiến	17/12/1982	1	030082017369	Minh Thành	Khuyết tật nặng	1,050,000		01/2026	Khoản 1 Điều 2	
3	Bùi Trà My	14/07/2009	2	030309014155	Minh Thành	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm d Khoản 2 Điều 2	
4	Bùi Thị Ngoãn	01/08/1947	2	030147001234	Minh Thành	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
5	Bùi Thị Lưu	07/05/1948	2	030148001680	Minh Thành	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
6	Bùi Thị Duyên	02/01/1947	2	030147001586	Minh Thành	Hưu trí xã hội	700,000	800,000	01/2026	Khoản 1 Điều 2	
7	Nguyễn Thị Lựu	20/02/1958	2	030158003474	Minh Thành	0	0	1,500,000	01/2026	Điểm b Khoản 2 Điều 2	

Bệnh dài ngày